

VĨ MÔ VÀ CHIẾN LƯỢC

Vươn mình trước gió lớn

Công ty cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Đồng Thanh Tuấn

tuán.dt@miraeasset.com.vn

NỘI DUNG

[Tóm tắt]

① Bối cảnh toàn cầu	4
Thuế đối ứng của Mỹ	
Tác động đến thương mại toàn cầu	
Tác động đến Việt Nam và triển vọng đàm phán	
② Thị trường tiền tệ	10
Tỷ giá USD/VND	
Lãi suất liên ngân hàng	
Trái phiếu Chính phủ	
③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp	12
Tổng quan tháng 3	
Hoạt động phát hành	
Hoạt động mua lại trước hạn	
Danh sách trái phiếu đáo hạn trong tháng 4	
④ Thị trường chứng khoán Việt Nam	17
Diễn biến giao dịch	
Phân loại giá trị giao dịch theo các nhóm nhà đầu tư	
Thống kê theo ngành	
Triển vọng	



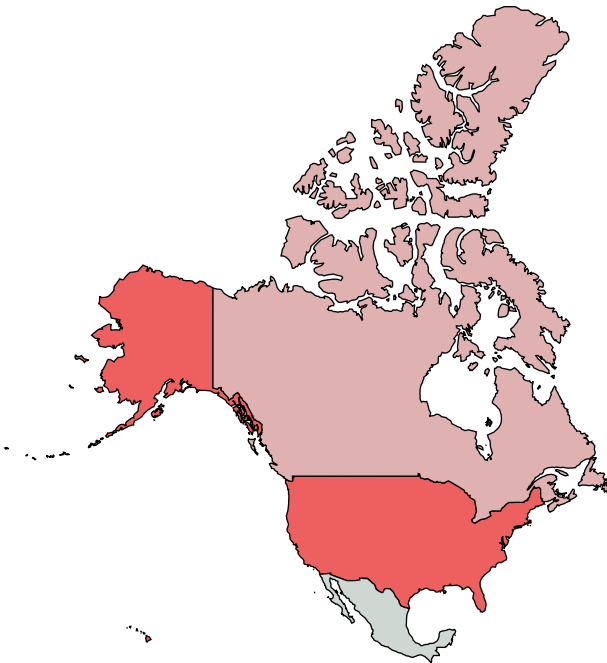
[Tóm tắt]

- **Thuế đối ứng 46% do Hoa Kỳ áp đặt đang tạo ra thách thức lớn cho kinh tế Việt Nam, từ xuất khẩu, FDI đến tăng trưởng GDP và ổn định tỷ giá.** Việc áp dụng thuế quan trên diện rộng được xem là biện pháp để tái cân bằng thương mại toàn cầu và giảm thâm hụt của Mỹ, song đồng thời gây hiệu ứng dây chuyền lên các thị trường chứng khoán trọng điểm. Để giảm thiểu tác động Thương chiến, Việt Nam đã chủ động cắt giảm thuế nhập khẩu với hàng Mỹ và tham gia các thỏa thuận song phương. Dù vậy, hiệu quả vẫn còn hạn chế so với quy mô thâm hụt giữa hai nước. Các ngành dệt may, giày dép, thủy sản, điện tử nằm trong nhóm các ngành có nguy cơ giảm sức cạnh tranh, gián đoạn chuỗi cung ứng và sụt giảm lợi nhuận nếu thuế đối ứng chính thức có hiệu lực.
- **Kết quả đàm phán của Việt Nam nhằm hạ mức thuế đối ứng hoặc đạt được các điều lệ miễn trừ đối với các mặt hàng trọng điểm sẽ giữ vai trò then chốt trong việc giảm thiểu các tác động bất lợi.** Chính phủ đã thành lập tổ công tác phản ứng nhanh và khởi xướng những cuộc thảo luận cấp cao với phía Mỹ, tập trung vào hợp tác thương mại lâu dài cùng với những động thái nhượng bộ phù hợp. Tuy nhiên, các vấn đề mang tính cấu trúc như thặng dư thương mại, cáo buộc thao túng tiền tệ, cùng sự áp đảo của khu vực xuất khẩu do FDI dẫn dắt vẫn là những trở ngại đáng kể trong đàm phán. Mặc dù Việt Nam tiếp tục nỗ lực đa dạng hóa quan hệ thương mại và đẩy mạnh hợp tác với các khối kinh tế khác, triển vọng ngắn hạn sẽ phụ thuộc chủ yếu vào kết quả đàm phán đang diễn ra. Trong kịch bản cẩn trọng nhất, nếu không thể đưa mức thuế về tối thiểu 10% hoặc giành được miễn trừ cho các mặt hàng quan trọng, sự dịch chuyển trong dòng chảy thương mại có thể diễn ra nhanh hơn, làm suy yếu dòng vốn FDI và gia tăng tỷ lệ thất nghiệp tại các ngành xuất khẩu.
- **Tác động vĩ mô vượt khỏi phạm vi thương mại.** Từ đầu năm đến nay, tỷ giá duy trì tương đối ổn định với VNĐ ghi nhận mức mất giá khoảng 1,33% so với đầu năm, phản ánh biến động tỷ giá trong bối cảnh Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) trì hoãn lộ trình hạ lãi suất. Dù vậy, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam vẫn duy trì chính sách lãi suất ổn định, tập trung vào việc ổn định vĩ mô trong nước trong bối cảnh tỷ giá vẫn đang dao động trong ngưỡng cho phép. Mục tiêu tăng trưởng GDP 8% của Việt Nam cho năm 2025 được đánh giá là khá tham vọng nhưng hoàn toàn khả thi, nhờ các động lực nội tại như giải ngân đầu tư công, cải cách khu vực tư nhân và thúc đẩy sức mua nội địa. Đặc biệt, hoạt động đầu tư công dự kiến gia tăng mạnh mẽ với kế hoạch giải ngân 826 nghìn tỷ đồng trong năm 2025 (+30% so với cùng kỳ năm trước), song hành cùng sự phục hồi trong phát hành trái phiếu chính phủ, qua đó thể hiện quyết tâm của Chính phủ trong việc duy trì tăng trưởng trước những áp lực từ bên ngoài.
- Chỉ số VN-Index cũng đang chứng kiến mức độ biến động cao, với đợt giảm sâu ngay sau khi thông tin về mức thuế được công bố. Áp lực bán tháo gia tăng từ tâm lý bi quan đã khiến chỉ số mất 8,11% so với tuần trước tính đến ngày 4/4. Dù nhà đầu tư cá nhân trong nước vẫn duy trì lực cầu cho thị trường, khối ngoại tiếp tục ghi nhận vị thế bán ròng, phản ánh tâm lý e ngại bắt nguồn từ việc căng thẳng thương mại có thể lan rộng trên quy mô toàn cầu. Bất chấp áp lực ngắn hạn, thị trường vẫn giữ được những động lực hỗ trợ ở trung và dài hạn nhờ các yếu tố tăng trưởng nội địa cùng tiềm năng nâng hạng thị trường. Hiện tại, VN-Index đang giao dịch ở vùng -1 lần độ lệch chuẩn so với P/E trung bình 10 năm, mở ra cơ hội định giá hấp dẫn cho các nhà đầu tư dài hạn.
- Trong thời gian tới, thị trường chứng khoán Việt Nam dự kiến tiếp tục chịu áp lực đến khi kết quả đàm phán thuế quan có thêm những tín hiệu rõ ràng. Nếu Việt Nam thành công trong đàm phán, chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ nhanh chóng phục hồi về mặt tâm lý lẫn thanh khoản. Ở chiều ngược lại, việc không đạt được những điều khoản khả quan có thể khiến VN-Index lùi về các vùng hỗ trợ trong khoảng 1.125–1.150 điểm. Do đó, nhà đầu tư được khuyến nghị duy trì quan điểm giao dịch thận trọng trong ngắn hạn, song song với việc theo dõi chặt chẽ tiến trình đàm phán thương mại và các chỉ báo kinh tế vĩ mô.

① Bối cảnh toàn cầu

Quốc gia	Chỉ số	Giá đóng cửa	T3	1/4 - 4/4
Việt Nam	VN-Index	1.306,86	0,11%	-7,36%
Mỹ	S&P 500	5.611,85	-5,75%	-9,58%
Canada	TSX	24.917,50	-1,87%	-6,92%
Nhật	Nikkei 225	35.617,56	-4,14%	-5,16%
Trung Quốc	SHCOMP	3.335,75	0,45%	0,19%
Hồng Kông	Hang Seng	23.119,58	0,78%	-1,17%
Đài Loan	TWSE	20.695,90	-10,23%	-7,05%
Hàn Quốc	KOSPI	2.481,12	-2,04%	-0,63%
Ấn Độ	SENSEX	77.414,92	5,76%	-2,65%
Thái Lan	SET	1.158,09	-3,79%	-2,84%
Singapore	STI	3.972,43	1,97%	-3,69%
Malaysia	FBMKLCI	1.513,65	-3,88%	-0,63%
Philippines	PSEi	6.180,72	3,05%	-1,56%
UK	FTSE 100	8.582,81	-2,58%	-6,15%
Pháp	CAC 40	7.790,71	-3,96%	-6,62%
Đức	DAX	22.163,49	-1,72%	-6,87%
Ý	IT 40	38.051,99	-1,56%	-8,94%
Úc	ASX 200	7.843,42	-4,02%	-2,24%
New Zealand	NZX 50	12.270,00	-2,63%	-0,36%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 04/04/2025. Đối với Đài Loan, chúng tôi sử dụng dữ liệu giao dịch vào ngày 07/04 để đo lường tác động của Thuế đối ứng khi thị trường này không giao dịch trong giai đoạn từ ngày 03/04 đến ngày 06/04.



Powered by Bing
© Australian Bureau of Statistics, GeoNames, Microsoft, Navinfo, OpenStreetMap, TomTom, Zenrin

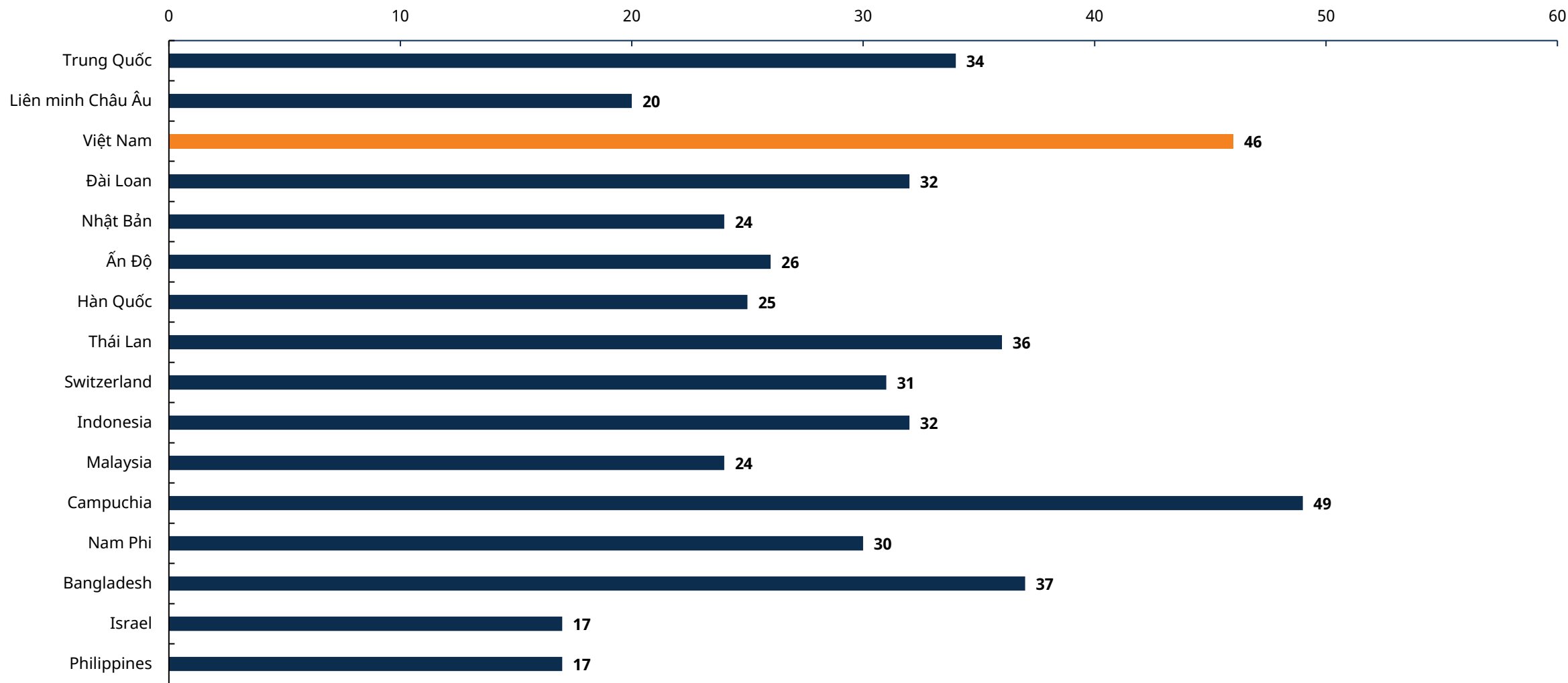
① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Thuế đối ứng: Tác động đối với Thương mại toàn cầu và Việt Nam

- Hoa Kỳ chính thức áp thuế nhập khẩu 10% toàn diện đối với hàng hóa từ hơn 180 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó 60 quốc gia phải chịu mức thuế đối ứng dao động từ 10% đến 50%. Riêng các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam bị áp mức thuế 46%, cao hơn đáng kể so với Trung Quốc (34%).
- Riêng Trung Quốc đã bị áp thuế 20% trước đó, với mức tăng thêm 10% vào tháng 2 và 10% vào tháng 3, nâng tổng mức thuế nhập khẩu mới trong Thương chiến lần thứ hai lên tới 54%. Đây là mức chưa bao gồm các loại thuế suất dành riêng cho một số mặt hàng đã bị áp thuế trong giai đoạn Thương chiến lần thứ nhất. Công thức tính mức thuế chủ yếu dựa trên các yếu tố như thâm hụt thương mại, đánh giá của Hoa Kỳ về các rào cản thương mại phi thuế quan, và các cáo buộc thao túng tiền tệ. Điều đáng chú ý là mức thuế suất áp dụng cho Việt Nam tương đương với một số quốc gia như Campuchia và Lào, mặc dù cả hai quốc gia này đều không ghi nhận giá trị thặng dư thương mại đáng kể với Hoa Kỳ. Cách trình bày bảng biểu về thứ tự các quốc gia bị áp thuế cũng phản ánh mức độ thâm hụt thương mại của từng quốc gia hoặc khối kinh tế đối với Hoa Kỳ.
- **Việc áp thuế nhập khẩu trên diện rộng, cùng với các mức thuế khổng lồ đối với các nền kinh tế lớn như Liên minh châu Âu (20%), Trung Quốc (54%), Đài Loan (32%), Nhật Bản (24%), và Ấn Độ (26%), cho thấy quyết tâm của Tổng thống Trump trong việc cố gắng thay đổi dòng chảy thương mại và phủ định xu hướng toàn cầu hóa.** Qua đó, chiến lược này nhằm tái định hướng cán cân thương mại toàn cầu và dịch chuyển các nhà máy sản xuất về lại Hoa Kỳ. Trong đó, Mỹ lập luận rằng các quốc gia khác đã đối xử bất công, dẫn đến lượng thâm hụt thương mại (đối với hàng hóa) lên tới 1,2 nghìn tỷ USD vào năm 2024.
- Tuy nhiên, chiến lược này phải đối mặt với nhiều thách thức lớn. Mặc dù việc tiết giảm chi phí vận chuyển nội địa có thể mang lại một số lợi ích, nhưng điều này không thể bù đắp được các yếu tố sau:
 - **Chi phí lao động:** Chi phí nhân công tại Hoa Kỳ cao hơn đáng kể so với các quốc gia châu Á.
 - **Nguồn lực lao động:** Hoa Kỳ không có lợi thế so sánh đáng kể về nguồn lao động để đáp ứng quy mô sản xuất lớn, đặc biệt trong bối cảnh các chính sách nhập cư nghiêm ngặt.
 - **Chi phí đất đai và hạ tầng:** Chi phí đất đai và hạ tầng tại Hoa Kỳ cao hơn rất nhiều so với các quốc gia châu Á, nơi các chính phủ tích cực đưa ra các chính sách ưu đãi để thu hút vốn FDI và thúc đẩy sản xuất – Việt Nam là một ví dụ điển hình.
- Mặc dù chiến lược này mang lại lợi ích dài hạn bằng cách tạo việc làm tại Hoa Kỳ, nhưng rủi ro lạm phát trong ngắn hạn là điều không thể tránh khỏi khi giá cả đối với các mặt hàng tiêu dùng hàng ngày như quần áo, giày dép, thực phẩm dự kiến sẽ tăng mạnh cũng như các sản phẩm giá trị cao như điện thoại thông minh và máy tính. Tình trạng này càng trở nên nghiêm trọng hơn bởi việc áp thuế đột ngột, khiến các doanh nghiệp không có đủ thời gian để chuẩn bị hoặc chuyển dịch sản xuất sang các quốc gia có mức thuế thấp hơn. Các mặt hàng được loại trừ khỏi thuế đối ứng chỉ giới hạn ở một số sản phẩm như chất bán dẫn, vàng, bạc, và gỗ.
- **Phản ứng của các quốc gia:** Chiến lược thuế của Tổng thống Trump chủ yếu nhằm vào khoản thâm hụt thương mại hàng hóa trị giá 1,2 nghìn tỷ USD. Tuy nhiên, các quốc gia bị ảnh hưởng hiện đang lên kế hoạch tận dụng khoản thặng dư thương mại dịch vụ trị giá gần 300 tỷ USD của Hoa Kỳ, đồng thời áp đặt các mức thuế trả đũa đối với hàng hóa có nguồn gốc từ Hoa Kỳ, đặc biệt là các dịch vụ kỹ thuật số. Ngoài các biện pháp đã được Canada thực hiện và các động thái dự kiến từ EU, Trung Quốc vào ngày 4/4 đã đáp trả bằng mức thuế bổ sung trừng phạt 34% đối với tất cả hàng hóa nhập khẩu từ Hoa Kỳ – phản ánh quyết định của Hoa Kỳ và làm trầm trọng thêm đợt bán tháo trên các thị trường chứng khoán toàn cầu. Mặc dù chúng tôi vẫn lạc quan rằng các biện pháp áp thuế giữa các quốc gia cuối cùng sẽ dẫn một cuộc đàm phán toàn diện thông qua việc tái cấu trúc dòng chảy thương mại toàn cầu, nhưng các quyết định trả đũa gần đây có thể đẩy triển vọng tăng trưởng toàn cầu năm 2025 đến bờ vực suy thoái.
- **Trình tự thực hiện và tác động thị trường:** Lộ trình thực hiện theo từng giai đoạn – mức thuế 25% đối với ngành ô tô (3/4), thuế nhập khẩu chung (5/4), và các biện pháp đối ứng (9/4) – dù tạo ra sự bất ổn đáng kể trong chuỗi cung ứng toàn cầu song cách tiếp cận theo từng giai đoạn này dường như là một chiến thuật được tính toán nhằm tối đa hóa lợi thế đàm phán trong khi giảm thiểu áp lực lạm phát trong ngắn hạn tại thị trường nội địa Hoa Kỳ.

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Danh sách một số các quốc gia chịu thuế đối ứng của Mỹ (%)



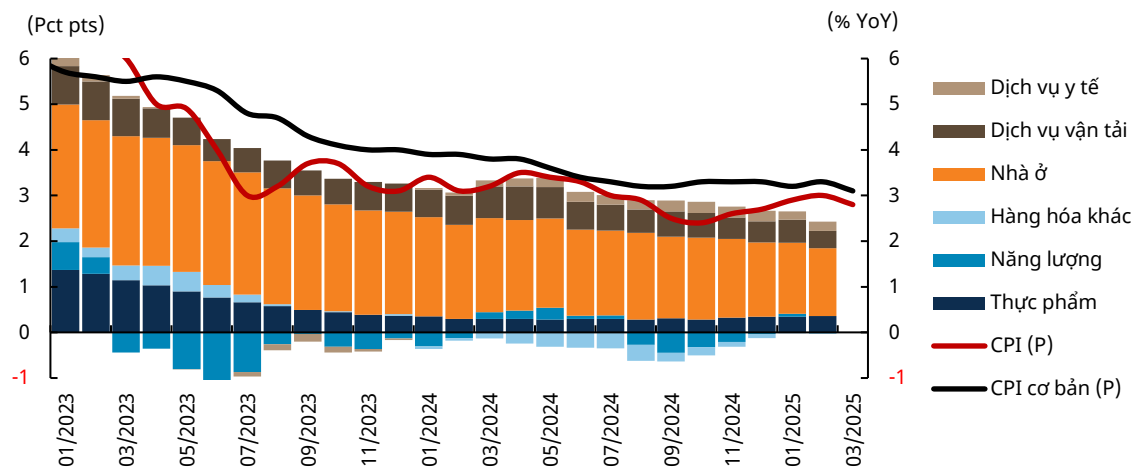
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Nhà Trắng; cập nhật tới 03/04/2025

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Tác động đối với Mỹ: Lạm phát và Lãi suất

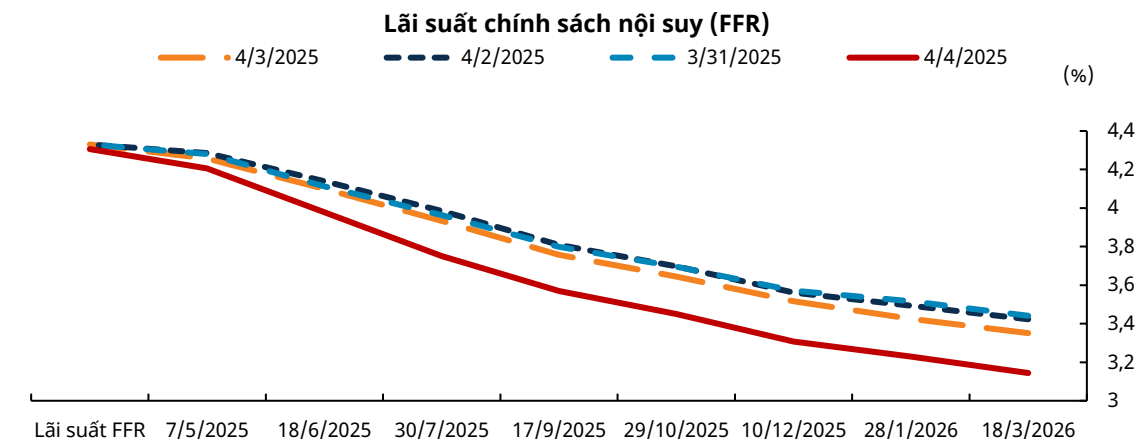
- Theo nghiên cứu được Cục Nghiên cứu Kinh tế Quốc gia (NBER) công bố năm 2021, Thương Chiến đợt 1 (chủ yếu nhằm vào Trung Quốc) cho thấy mức độ chuyển dịch thuế quan tại biên giới gần như ghi nhận 100% chi phí thuế được chuyển sang người tiêu dùng trong nước. Cơ chế truyền tải trực tiếp này cho thấy tác động lạm phát sẽ vừa tức thời vừa đáng kể. Do đó, áp lực lạm phát là điều không thể tránh khỏi nếu các quốc gia thất bại trong việc đàm phán để giảm mức thuế nhập khẩu xuống mức tối thiểu hoặc thiết lập các giải pháp đôi bên cùng có lợi thông qua các quy tắc miễn trừ đối với một số mặt hàng nhất định.
- Trong báo cáo dự phóng kinh tế tháng 3/2025 của Ủy ban Thị trường Mở Liên bang (Federal Open Market Committee - FOMC), các quan chức của Fed đã nhất trí rằng Thương chiến 2.0 sẽ đặt ra những rủi ro khó lường đối với lạm phát và đồng thời điều chỉnh dự báo lạm phát, dự kiến chỉ số Chi tiêu Tiêu dùng Cá nhân (Personal Consumption Expenditures - PCE) cơ bản sẽ tăng 2,8% YoY vào năm 2025, cao hơn so với dự báo trước đó là 2,5% vào tháng 12/2024.
- Ngoài ra, FOMC đã hạ dự báo tăng trưởng GDP từ 2,1% xuống còn 1,7% và nâng dự báo tỷ lệ thất nghiệp lên 4,4%, cho thấy rủi ro đình lạm đang gia tăng theo thời gian. Đáng chú ý, các tính toán của Fed vẫn chưa bao gồm đầy đủ quy mô của các mức thuế hiện tại, đặc biệt là những mức thuế áp dụng đối với các đối tác thương mại chủ chốt. Điều này cho thấy lộ trình hạ lãi suất của Fed trong năm nay sẽ gặp nhiều khó khăn, khi họ phải cân bằng giữa áp lực lạm phát dai dẳng và nhu cầu hạ lãi suất nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong nước.
- Trong khi đó, động lực tăng trưởng GDP của Hoa Kỳ, cả trong quý IV/2024 và toàn bộ năm 2024, đã giảm tốc tương đối đáng kể. Hiện tại, tiêu dùng nội địa vẫn là yếu tố then chốt thúc đẩy tăng trưởng, nhưng yếu tố này cũng đã suy giảm trong quý I/2025, thể hiện qua mức tăng trưởng âm của doanh số bán lẻ so với cùng kỳ năm trước. Kỳ vọng lạm phát gia tăng, niềm tin tiêu dùng giảm sút, cùng với rủi ro thuế quan ngày càng lớn đã làm trầm trọng thêm các điểm yếu của nền kinh tế.

Lạm phát hạ nhiệt nhưng vẫn còn dai dẳng tại Mỹ



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 04/04/2025.

Thông báo về thuế đối ứng có khả năng làm chậm lộ trình hạ lãi suất của Fed



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 04/04/2025.

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Liệu Việt Nam có thể đàm phán thành công nhằm giảm ảnh hưởng của thuế đối ứng hay không?

- **Chúng tôi nhận định rằng mức thuế hiện tại chủ yếu được sử dụng như một công cụ gây áp lực và là đòn bẩy trong đàm phán, với thời hạn áp dụng được gia hạn đến ngày 9 tháng 4.** Trước rủi ro từ thuế quan, Việt Nam đã nhanh chóng hành động bằng cách thành lập lực lượng phản ứng nhanh để xây dựng các giải pháp. Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc, cùng đoàn đại biểu gồm các đại diện doanh nghiệp, dự kiến sẽ đến Mỹ vào ngày 6/4 – 7/4 để thảo luận về các rủi ro liên quan đến việc áp thuế. Ông Phớc sẽ gặp gỡ các quan chức tại Washington, D.C., trong khi các lãnh đạo của Vietnam Airlines và Vietjet dự kiến sẽ tiến hành các cuộc thảo luận với Boeing và các tổ chức tài chính Mỹ.
- **Các chiến lược đàm phán tiềm năng mà Việt Nam có thể cân nhắc:**
 - **Giảm thuế nhập khẩu đối với hàng hóa Mỹ:** Theo quy định của WTO về thuế suất tối huệ quốc (Most-Favored-Nation - MFN), Việt Nam không thể đơn phương giảm thuế chỉ riêng cho Mỹ mà không áp dụng các ưu đãi tương tự cho các thành viên WTO khác. Điều này đòi hỏi phải ký kết các hiệp định thương mại cụ thể, điều vốn cần thời gian để đánh giá và hoạch định chiến lược một cách kỹ lưỡng. Tuy nhiên, Việt Nam đã thực hiện giảm thuế nhập khẩu đối với các mặt hàng thiết yếu của Mỹ, bao gồm ô tô và khí tự nhiên hóa lỏng (LNG), thông qua Nghị định 73/2025/NĐ-CP. Dù thế, tác động của việc giảm thuế này đối với tổng giá trị nhập khẩu từ Mỹ, ước tính chỉ hơn 13 tỷ USD, vẫn không đủ tạo sức ảnh hưởng đáng kể so với mức thuế 46% áp dụng lên tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam đạt 136,6 tỷ USD trong năm 2024. Do đó, chiến lược này không thực sự hiệu quả.
 - **Mua sắm công để giảm thâm hụt thương mại:** Việt Nam có thể cân nhắc tăng nhập khẩu từ Mỹ thông qua các cơ chế mua sắm công. Tuy nhiên, phương án này đòi hỏi phải đánh giá cẩn thận từng sản phẩm để cân bằng giữa việc bảo vệ các ngành công nghiệp trong nước và các mục tiêu thương mại rộng lớn hơn.
 - **Rào cản phi thuế quan và cáo buộc thao túng tiền tệ:** Các rào cản phi thuế quan và các cáo buộc thao túng tiền tệ là những yếu tố quan trọng trong việc xác định mức thuế áp dụng đối với hàng hóa Mỹ. Việt Nam hiện vẫn nằm trong danh sách giám sát của Bộ Tài chính Mỹ về thao túng tiền tệ, với thặng dư thương mại hơn 15 tỷ USD với Mỹ trong báo cáo tháng 11 (tổng thặng dư đạt 123,5 tỷ USD trong năm 2024, tăng 18,1% so với cùng kỳ) và thặng dư tài khoản vãng lai vượt 3% GDP (5,4%). Dù Việt Nam đã đáp ứng tiêu chí thứ ba liên quan đến việc can thiệp một chiều vào tỷ giá hối đoái, các vấn đề mang tính cấu trúc này vẫn là những rào cản lớn khó để giải quyết trong thời gian ngắn và đòi hỏi các điều chỉnh chiến lược dài hạn đối với cấu trúc nền kinh tế của Việt Nam. Do đó, chúng tôi cho rằng Việt Nam khó có khả năng đưa ra các giải pháp tức thời trong các cuộc thảo luận tuần này, thay vào đó sẽ tập trung vào các cam kết dài hạn.
 - **Thặng dư thương mại dựa trên đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI):** Một phần lớn thặng dư thương mại của Việt Nam với Mỹ xuất phát từ các doanh nghiệp FDI xuất khẩu hàng hóa như máy tính và thiết bị điện tử (Intel, HP, Dell), máy móc (Rockwell Automation), và điện thoại thông minh (Samsung, Foxconn). Việc Mỹ áp dụng thuế quan đối ứng đáng kể sẽ gây ra những thách thức lớn cho các nhà sản xuất Mỹ vì điều này sẽ ngay lập tức làm giảm lợi nhuận, khi các doanh nghiệp bị hạn chế khả năng chuyển chi phí tăng lên cho người tiêu dùng Mỹ. Dạng đòn bẩy gián tiếp này có thể mang lại một số lợi ích cho Việt Nam trong ngắn hạn, tuy nhiên, các tình huống tương tự cũng được ghi nhận ở các quốc gia khác, đặc biệt là Trung Quốc – nơi gần 80% sản phẩm của Apple được sản xuất. Do đó, khía cạnh này khó có thể tạo ra lợi thế đáng kể trong quá trình đàm phán tổng thể.
- Nhìn chung, phương án thực tế và tối ưu nhất là kéo dài thời gian đàm phán càng lâu càng tốt trước khi mức thuế quan đối ứng chính thức tác động toàn diện đến nền kinh tế. Chúng tôi hy vọng cả hai bên sẽ tìm được tiếng nói chung và kỳ vọng Việt Nam sẽ thành công trong việc giảm mức thuế quan đối ứng xuống mức tối thiểu 10% hoặc đạt được các thỏa thuận miễn thuế đối với các mặt hàng thiết yếu.

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Điều gì sẽ xảy ra nếu Việt Nam không thể giảm thuế nhập khẩu xuống mức tối thiểu 10% hoặc đạt được điều khoản miễn trừ đối với các mặt hàng chủ chốt?

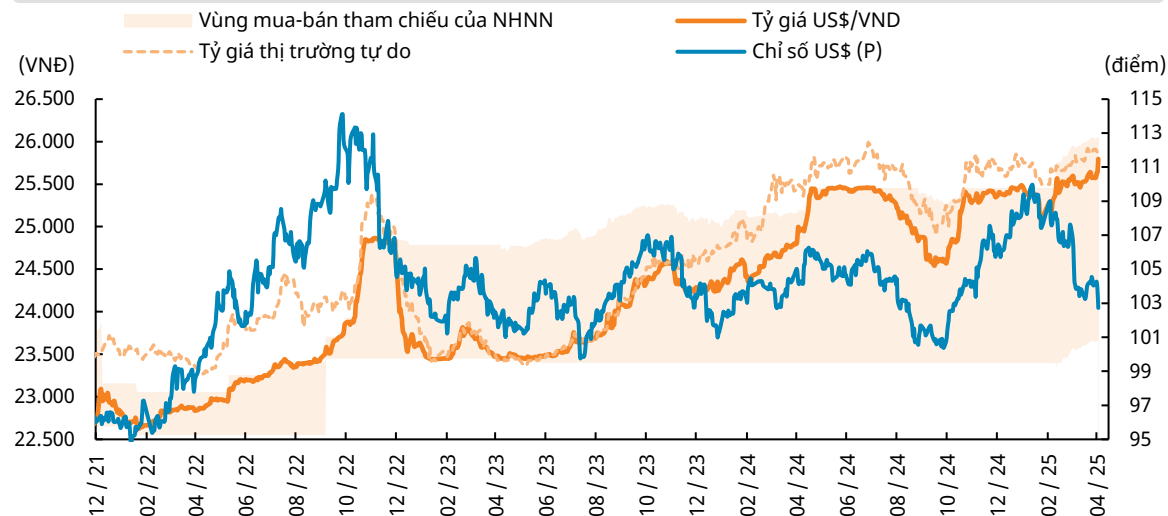
- Ngoại trừ các nguyên liệu công nghiệp chiến lược (đồng, dược phẩm, chất bán dẫn và gỗ), các mặt hàng liên quan đến các vấn đề an ninh quốc gia trong tương lai, và các nguồn tài nguyên không có sẵn trong nước, chúng tôi dự báo rằng ngành sản xuất giày dép và may mặc sẽ nằm trong số các ngành chịu ảnh hưởng tiêu cực lớn nhất từ thuế quan. Theo Reuters, 50% sản phẩm giày dép và 28% hàng may mặc của Nike được sản xuất tại Việt Nam trong năm 2024. Tương tự, Adidas cũng phụ thuộc đáng kể vào Việt Nam, với 38% tổng sản lượng xuất phát từ quốc gia này. Việc áp dụng mức thuế 46% đối với giày dép và hàng may mặc, nếu không có miễn trừ, sẽ ngay lập tức ảnh hưởng đến lợi nhuận doanh nghiệp, làm giảm lợi thế cạnh tranh về chi phí sản xuất của Việt Nam và gây gián đoạn chuỗi cung ứng.
- Theo báo cáo của VIS Rating, một số doanh nghiệp Việt Nam có tỷ trọng xuất khẩu lớn sang thị trường Mỹ bao gồm: Công ty Cổ phần May Sông Hồng (MSH) với 80% doanh thu từ thị trường Mỹ; Công ty Đầu tư và Thương mại TNG (TNG) đạt 46%; Tập đoàn Dệt may Việt Nam (VGT) đạt 35%; và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dệt may Thành Công (TCM) đạt 25%. Trong lĩnh vực gỗ, Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex (SAV) có 50% doanh thu đến từ Mỹ. Tương tự, các nhà xuất khẩu thủy sản như Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn (VHC), Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (MPC), và Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (FMC) cũng tạo ra khoảng 50% doanh thu từ thị trường Mỹ. Các nhà sản xuất thép như Công ty Cổ phần Tôn Đông Á (GDA) và Công ty Cổ phần Thép Nam Kim (NKG) cũng có tỷ trọng xuất khẩu đáng kể sang Mỹ.
- Các mặt hàng khác như máy tính, linh kiện điện tử và điện thoại thông minh cũng có thể đối mặt với áp lực thuế quan nếu không được Nhà Trắng loại trừ. Nếu các sản phẩm này không được xếp loại chung nhóm với linh kiện điện tử hoặc chất bán dẫn thì có thể chịu các áp lực tương tự như ngành dệt may và giày dép. Thuế quan có thể thúc đẩy sự dịch chuyển thương mại toàn cầu, đưa sản xuất quay trở lại Mỹ, đồng thời làm gia tăng tỷ lệ thất nghiệp tại các nền kinh tế tập trung vào sản xuất như Việt Nam.
- Ngoài các mặt hàng phụ thuộc vào vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), các sản phẩm nông nghiệp và thủy sản cũng chịu rủi ro cao. Mức thuế 46% trên diện rộng sẽ ngay lập tức làm suy giảm khả năng cạnh tranh về giá của Việt Nam so với hàng hóa nội địa Mỹ, vốn đã có lợi thế nhờ chi phí vận chuyển thấp hơn và các tiêu chuẩn nhập khẩu nghiêm ngặt.
- **Trong trung và dài hạn**, kịch bản xấu nhất có thể dẫn đến sự suy giảm dòng vốn FDI vào Việt Nam, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ cao vốn bị chi phối bởi các công ty có trụ sở tại Mỹ. Để giảm thiểu rủi ro này, Việt Nam có thể xem xét các chiến lược thay thế, chẳng hạn như tăng cường quan hệ với các khối kinh tế khác như châu Âu và Trung Quốc, đồng thời tiếp tục đàm phán với Mỹ để phát triển các sáng kiến mới về thương mại.
- Tính đến ngày 04/04, các biện pháp trả đũa thuế quan từ Bắc Kinh đối với hàng hóa Mỹ—kèm theo các biện pháp đối phó từ các khối kinh tế khác—cho thấy một giai đoạn kéo dài của các chính sách bảo hộ. Bối cảnh này khiến Mỹ bị hạn chế trong việc giảm thuế nhập khẩu đối với Việt Nam, khi họ cố gắng giảm thiểu rủi ro từ việc chuyển tải hàng hóa từ các quốc gia bị áp thuế cao sang các thị trường trung lập có mức thuế thấp hơn. Đáng chú ý, một số sản phẩm có thể được lưu kho để tái xuất hoặc trải qua quá trình xử lý tối thiểu trước khi được chuyển đến các điểm đến như châu Âu hoặc Mỹ. Thực tế này đã phần nào được thể hiện qua mức thuế lên đến 46% áp dụng đối với Việt Nam—một trong 20 quốc gia đầu tiên bị đánh dấu có thặng dư thương mại lớn với Mỹ—qua đó điều chỉnh mức thuế của Việt Nam ngang bằng với các quốc gia như Campuchia và Lào.

② Thị trường tiền tệ

Tác động của thuế quan đối với tỷ giá USD/VND

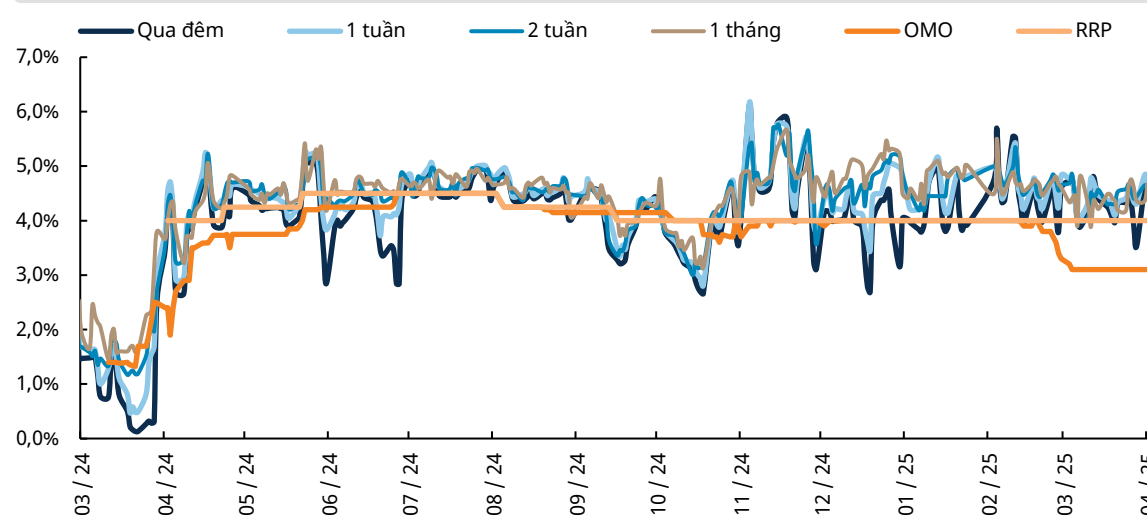
- Bên cạnh các lo ngại liên quan đến xuất khẩu và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), chúng tôi nhận định rằng rủi ro đáng kể hơn nằm ở biến động tỷ giá hối đoái và môi trường lãi suất trong nước. Là một nền kinh tế có mức độ mở cửa cao và chính sách tiền tệ tập trung vào việc duy trì ổn định tỷ giá hối đoái, những thay đổi trong kỳ vọng lạm phát và lộ trình cắt giảm lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) sẽ tiếp tục là các rủi ro trọng yếu cần theo dõi trong suốt phần còn lại của năm 2025.
- Kỳ vọng của thị trường chưa ghi nhận sự thay đổi đáng kể so với giai đoạn trước khi thông báo về thuế quan đối ứng. Tuy nhiên, **lộ trình cắt giảm lãi suất của Fed có khả năng bị trì hoãn, và đẩy lùi về cuối năm 2025**. Điều này đã dẫn đến phản ứng nhanh từ tỷ giá hối đoái của Việt Nam, với tỷ giá bán ra niêm yết tại Vietcombank tăng lên mức 25.960 VND/USD tính đến ngày 4 tháng 4. Đồng Việt Nam (VND) đã mất giá 1,33% từ đầu năm (YTD), tăng đáng kể so với mức 0,5% được ghi nhận vào tuần trước.
- Mặc dù vậy, triển vọng cắt giảm lãi suất từ Fed và khả năng đàm phán thành công của Việt Nam về thuế quan sẽ đóng vai trò là các yếu tố then chốt hỗ trợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) trong việc quản lý ổn định tỷ giá hối đoái. Mức mất giá của VND vẫn nằm trong phạm vi cho phép từ 3% đến 5%, cho thấy không có sự thay đổi đáng kể nào được dự báo trong môi trường lãi suất của Việt Nam trong trung và dài hạn.
- Trên thực tế, NHNN đã duy trì mức lãi suất cơ bản trên thị trường mở (OMO) ở mức 4% trong các kỳ gần đây, phản ánh mức lạm phát được kiểm soát và sự ổn định trong lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng. Sự nhất quán này nhấn mạnh cam kết của ngân hàng trung ương trong việc đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô trước các áp lực từ bên ngoài.

Tương quan giữa tỷ giá USD/VND và chỉ số DXY



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, dữ liệu từ Bloomberg, FiinPro, NHNN; cập nhật tới 04/04/2025

Lãi suất liên ngân hàng



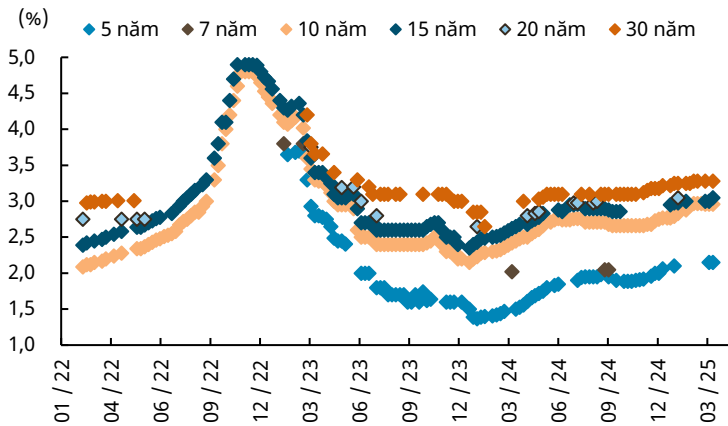
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, dữ liệu từ FiinPro, NHNN; cập nhật tới 04/04/2025

② Thị trường tiền tệ (Tiếp theo)

Lợi suất trái phiếu tăng lên mức cao nhất kể từ tháng 11/2023

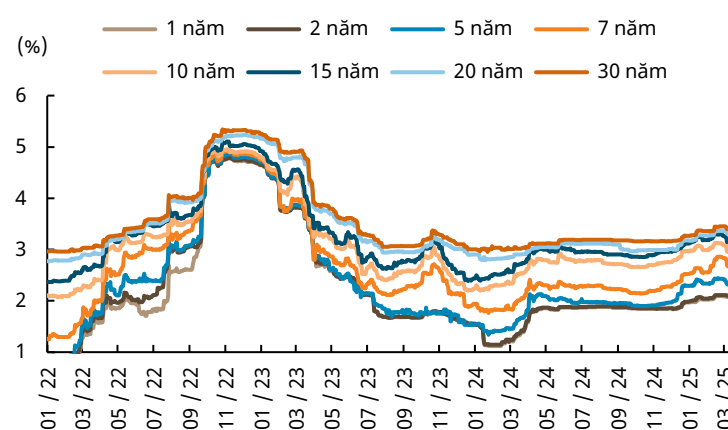
- Chúng tôi nhận định rằng Việt Nam vẫn có cơ sở vững chắc để đạt được mục tiêu tăng trưởng GDP đầy tham vọng ở mức 8% cho năm 2025, mặc dù các dự báo đồng thuận hiện dao động trong khoảng từ 6% đến 6,5%. Mặc dù tăng trưởng xuất khẩu có khả năng chậm lại so với năm 2024, sự suy giảm này được kỳ vọng sẽ được bù đắp bởi sự tăng tốc của các động lực tăng trưởng khác. Triển vọng tăng trưởng lạc quan của Việt Nam trong giai đoạn 2025–2030 sẽ được củng cố bởi các yếu tố kích thích tăng trưởng trong nước, bao gồm đầu tư cơ sở hạ tầng thông qua giải ngân công, đầu tư tư nhân được thúc đẩy nhờ các cải cách chính sách và tinh giản bộ máy, cùng với tiêu dùng nội địa tăng trưởng nhờ chính sách tiền tệ nới lỏng và mục tiêu tăng trưởng tín dụng cao hơn.
- Trong khi đó, xu hướng chuyển dịch sản xuất trở lại Mỹ khó có khả năng diễn ra trong ngắn hạn, do cần một giai đoạn chuyển tiếp. Khoảng thời gian này mang lại cho Việt Nam cơ hội quan trọng để tham gia vào các cuộc đàm phán tích cực nhằm củng cố vị thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu.
- Về đầu tư công, Chính phủ Việt Nam đã đặt mục tiêu giải ngân 826 nghìn tỷ đồng (tương đương 32 tỷ USD) cho năm 2025, tăng 30% so với mức giải ngân thực tế năm 2024. Chúng tôi kỳ vọng rằng giải ngân đầu tư công sẽ gặp ít nút thắt hơn trong năm 2025, nhờ các sửa đổi đối với Luật Đầu tư công và các quy trình hành chính được tinh giản ở cấp địa phương nhằm giải quyết tình trạng chậm trễ.
- Ngoài ra, huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu đã cho thấy dấu hiệu phục hồi. Khối lượng phát hành trái phiếu thành công trong tháng 3 đạt trên 65 nghìn tỷ đồng, tăng hơn gấp đôi so với mức 29 nghìn tỷ đồng của tháng 2, với kỳ hạn chủ yếu tập trung vào 5 năm (4,1 nghìn tỷ đồng) và 10 năm (60,5 nghìn tỷ đồng). Mặc dù lợi suất trên thị trường sơ cấp tăng nhẹ so với tháng 2, chúng vẫn duy trì ở mức thấp so với các quốc gia trong khu vực, phản ánh sự mất cân đối cung-cầu trong các phiên đấu thầu trái phiếu chính phủ do hạn chế về nguồn cung phát hành.

Lợi suất trúng thầu trên thị trường sơ cấp



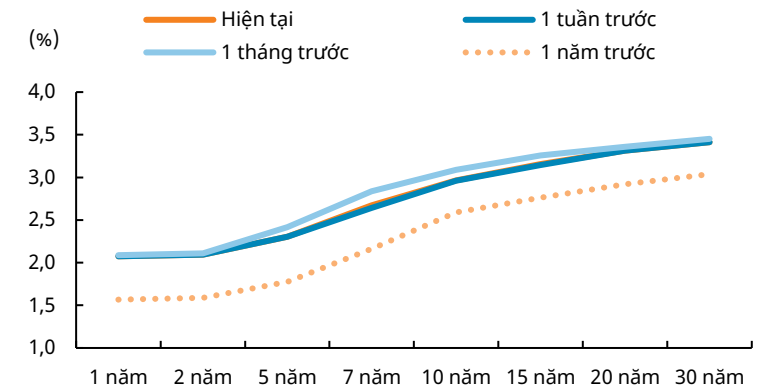
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 28/03/2025

Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 28/03/2025

Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 28/03/2025

③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Tổng quan thị trường trái phiếu doanh nghiệp: Tháng 3/2025

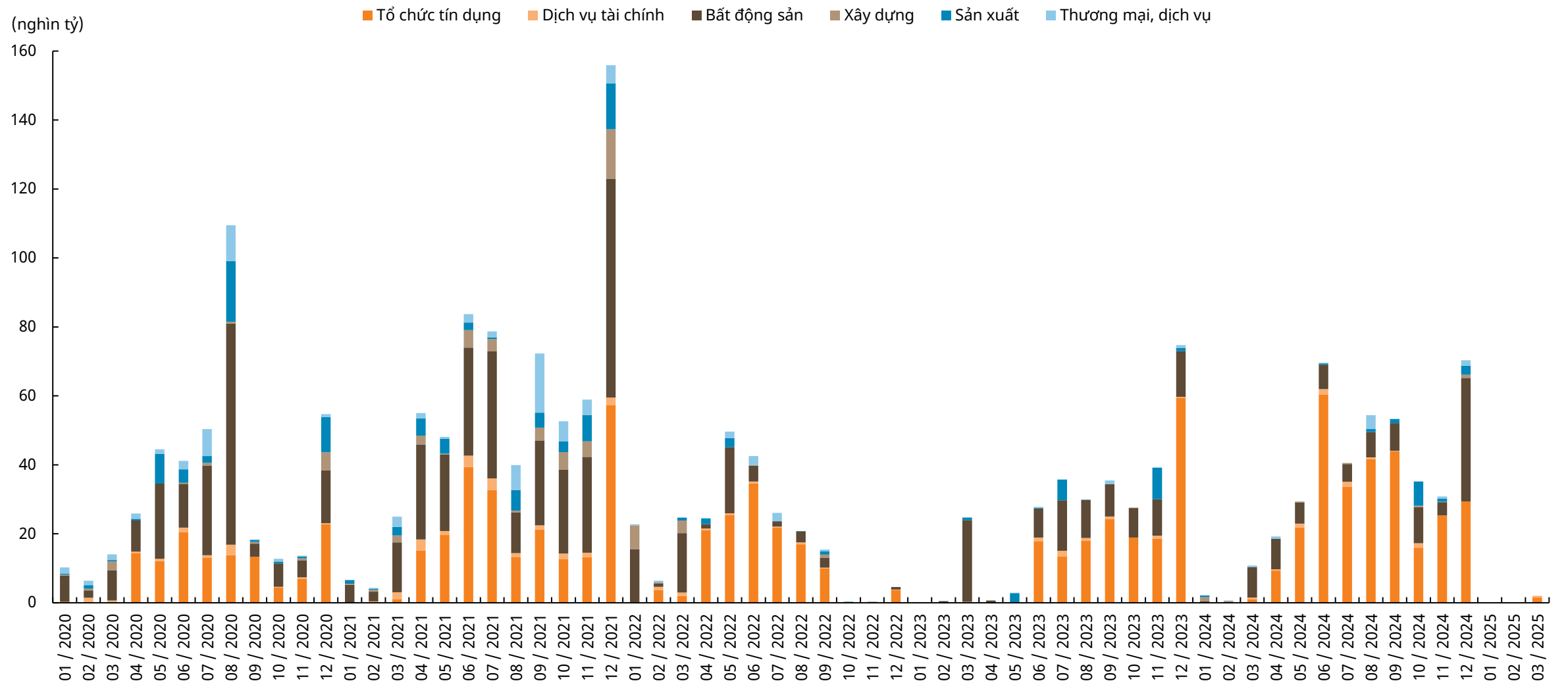
- **Phát hành mới:**
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) chỉ ghi nhận ba đợt phát hành mới được công bố trong khoảng thời gian từ ngày 1 tháng 3 đến ngày 2 tháng 4, với tổng giá trị đạt 2,35 nghìn tỷ đồng. Mặc dù chúng tôi duy trì quan điểm lạc quan về sự phục hồi của thị trường trái phiếu doanh nghiệp, các hoạt động gần đây phản ánh tâm lý thận trọng trước thông báo về thuế quan đối ứng từ phía Mỹ.
- **Mua lại trước hạn:** HNX ghi nhận 80 giao dịch mua lại trái phiếu trước hạn với tổng giá trị đạt 2,15 nghìn tỷ đồng trong giai đoạn từ ngày 3 tháng 3 đến ngày 4 tháng 4. Các giao dịch đáng chú ý bao gồm:
 - Công ty Năng lượng Ninh Thuận với tổng giá trị 2 nghìn tỷ đồng,
 - Điện gió Hòa Đồng 2 (1,5 nghìn tỷ đồng),
 - Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Ninh Thuận (1,2 nghìn tỷ đồng),
 - Điện gió Chơ Long (1,1 nghìn tỷ đồng),
 - Công ty Năng lượng Tái tạo (1 nghìn tỷ đồng),
 - Saigon Glory (400 tỷ đồng).
- **Lịch đáo hạn:**
 - Dự kiến có 12 trái phiếu đáo hạn trong tháng 4 (không bao gồm các trái phiếu đã được thỏa thuận gia hạn), với tổng giá trị thanh toán đạt khoảng 6,186 nghìn tỷ đồng. Nhóm Bất động sản chiếm khoảng 2,2 nghìn tỷ đồng trái phiếu đáo hạn, đến từ các tổ chức phát hành như: Vinhomes (1,5 nghìn tỷ đồng), Hội An Invest (450 tỷ đồng), The Van Phu Victoria (240 tỷ đồng).
 - Ngoài ra, có 60 trái phiếu ban đầu dự kiến đáo hạn trong tháng 4 đã được thỏa thuận gia hạn ngày đáo hạn với trái chủ. Trong đó, đây là các trái phiếu của TNR Holdings Việt Nam với tổng giá trị đáo hạn là 2,9 nghìn tỷ đồng.

Danh sách trái phiếu phát hành được công bố trong tháng 3						
Ngành	Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%p.a)	Tổng giá trị đáo hạn (tỷ đồng)
Khác	ENC12401	CÔNG TY CỔ PHẦN DK ENC VIỆT NAM	31/12/2024	31/12/2031	10	350
Chứng khoán	VDS12501	CTCP Chứng khoán Rồng Việt	4/3/2025	4/3/2026	8.2	500
Tổ chức tín dụng	ACB12501	Ngân hàng TMCP Á Châu	26/3/2025	26/3/2027	5.6	1,500

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 04/04/2025

③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (Tiếp theo)

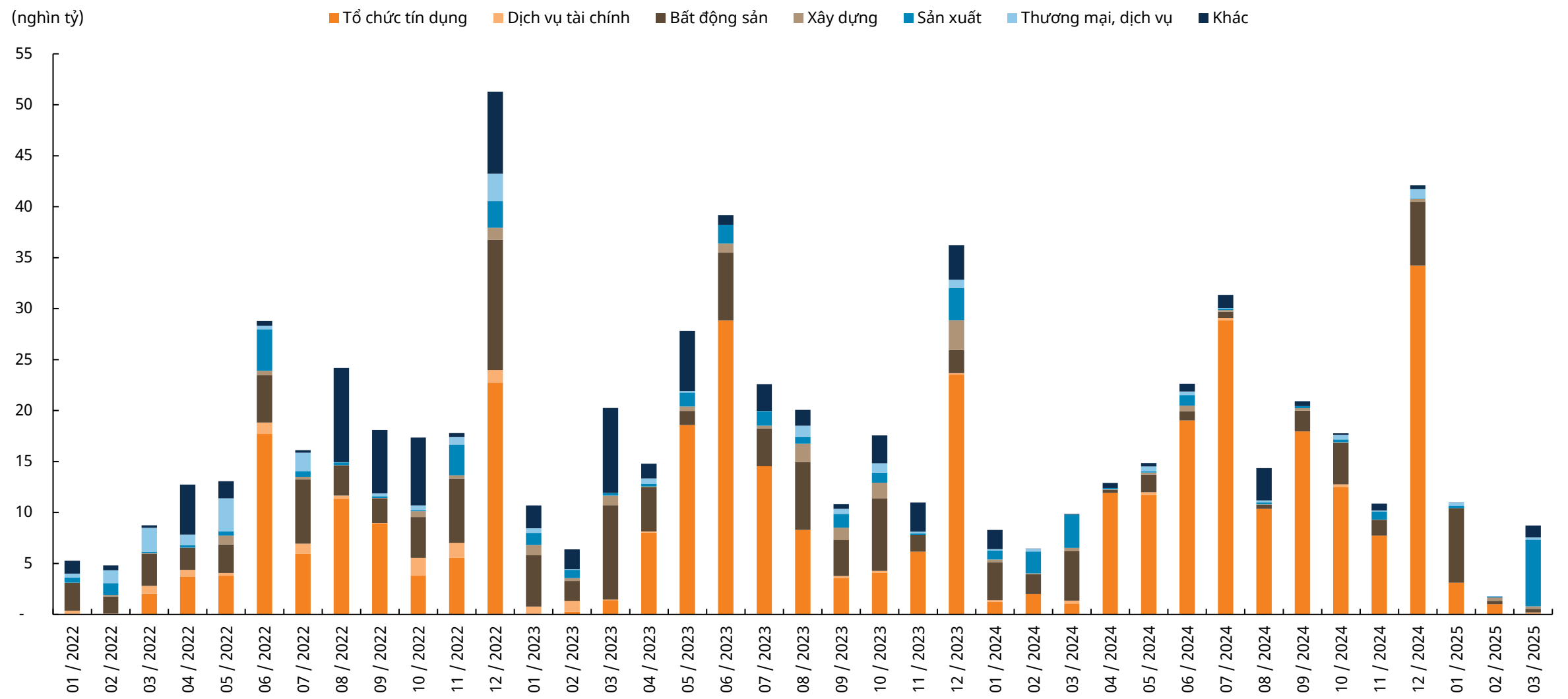
Giá trị trái phiếu phát hành thông qua phát hành riêng lẻ theo ngành



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 04/04/2025

③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (Tiếp theo)

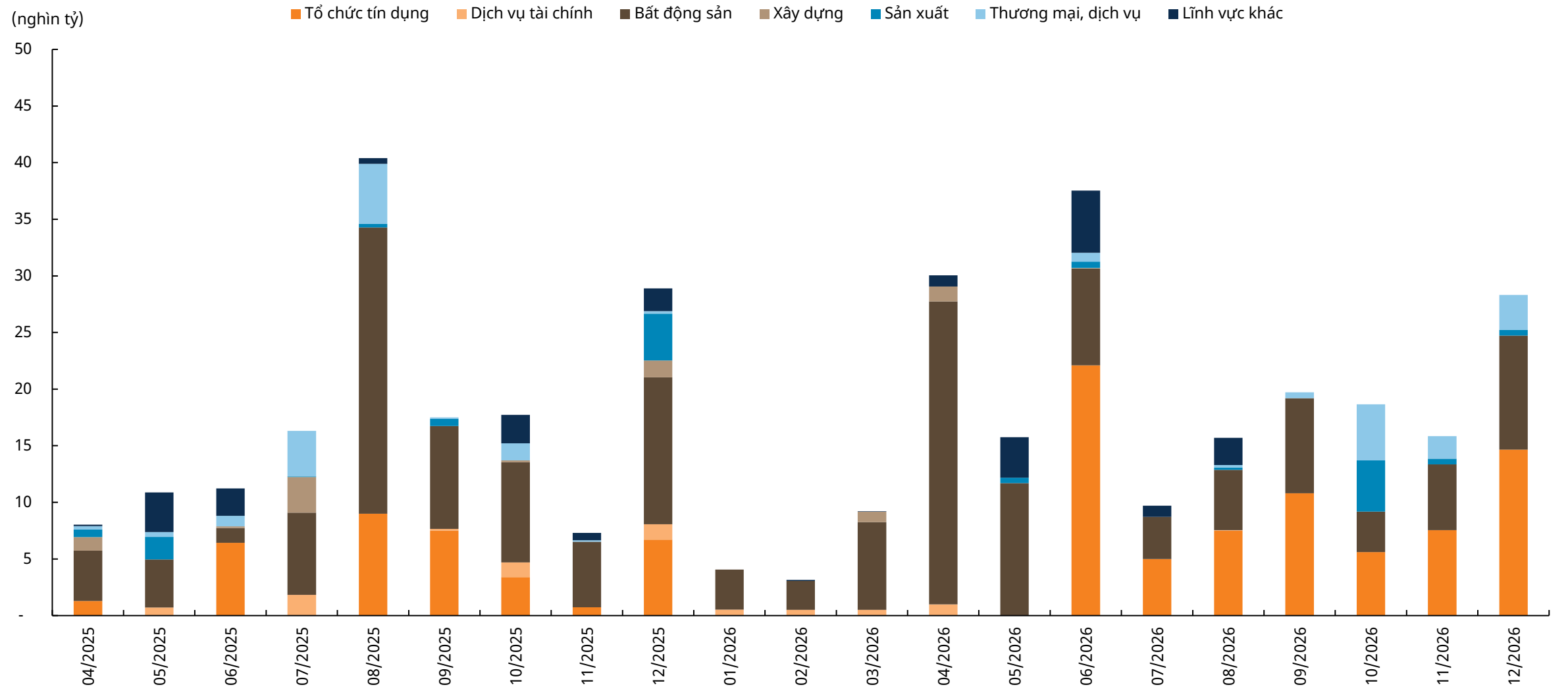
Tổng giá trị mua lại trước hạn đối với trái phiếu doanh nghiệp theo từng ngành



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 04/04/2025

③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (Tiếp theo)

Lịch đáo hạn trái phiếu doanh nghiệp theo ngành



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 04/04/2025

③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (Tiếp theo)

Danh sách trái phiếu đáo hạn trong tháng 3						
Ngành	Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%p.a)	Tổng giá trị đáo hạn (tỷ đồng)
Sản xuất	GSPCB2225001	CTCP In và Bao bì Goldsun (HOSE: GSP)	29/04/2022	29/04/2025	11	680
Bất động sản	HAJCH2225001	CTCP Hội An Invest	29/04/2022	29/04/2025	10	450
Lĩnh vực khác	IDCH2225002	Tổng Công Ty IDICO – CTCP	07/04/2022	07/04/2025	8	400
Tổ chức tín dụng	MSBL2225001	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (HOSE: MSB)	18/04/2022	18/04/2025	4	1.000
Tổ chức tín dụng	MSFCLH2225002	Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei	29/04/2022	29/04/2025	6.7	300
Lĩnh vực khác	MSTH2223001	CTCP Đầu tư MST (HNX: MST)	21/04/2022	21/04/2025	12	120
Thương mại, dịch vụ	MTDCH2123001	CTCP Đầu Tư Đường Mặt Trời	27/04/2021	27/04/2025	8	250
Bất động sản	VHMB2325001	CTCP VINHOMES (HOSE: VHM)	17/10/2023	17/04/2025	12	1.500
Bất động sản	VPIB2225001	CTCP Đầu tư Văn Phú – Invest	28/04/2022	28/04/2025	10.5	241
Xây dựng	XDCCH2125002	CTCP Đầu Tư Xây Dựng Xuân Đỉnh	09/04/2021	09/04/2025	11	1.100
Xây dựng	FCNH2325001	CTCP FECON (HOSE: FCN)	31/10/2023	30/04/2025	11	95
Thương mại, dịch vụ	F88CH2425001	CTCP Kinh Doanh F88	19/04/2024	19/04/2025	11.5	50

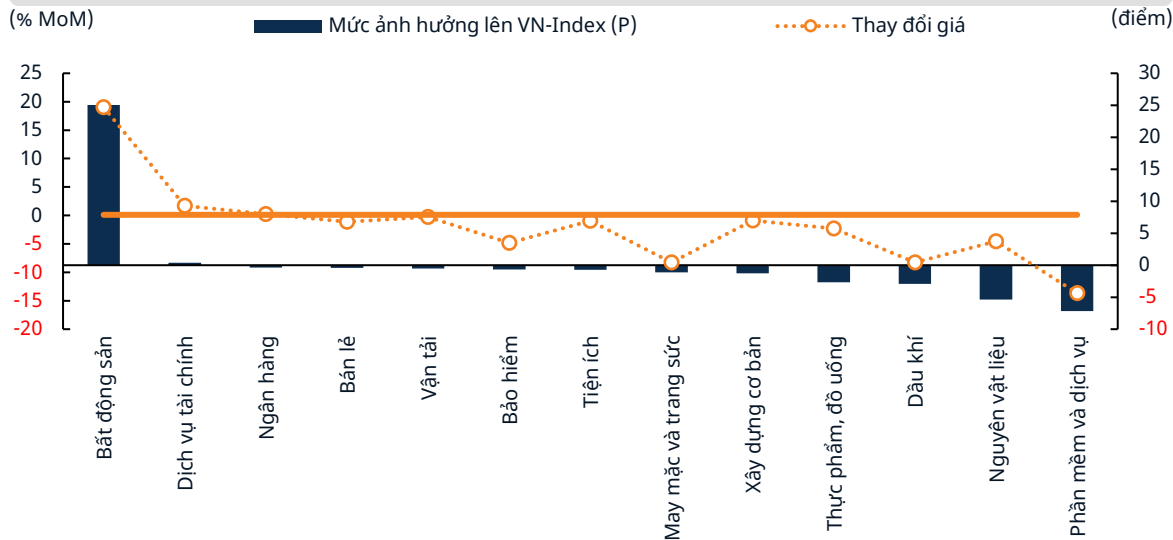
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 04/04/2025

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Lực cầu suy giảm trước thềm sự kiện “Thiên Nga Đen”

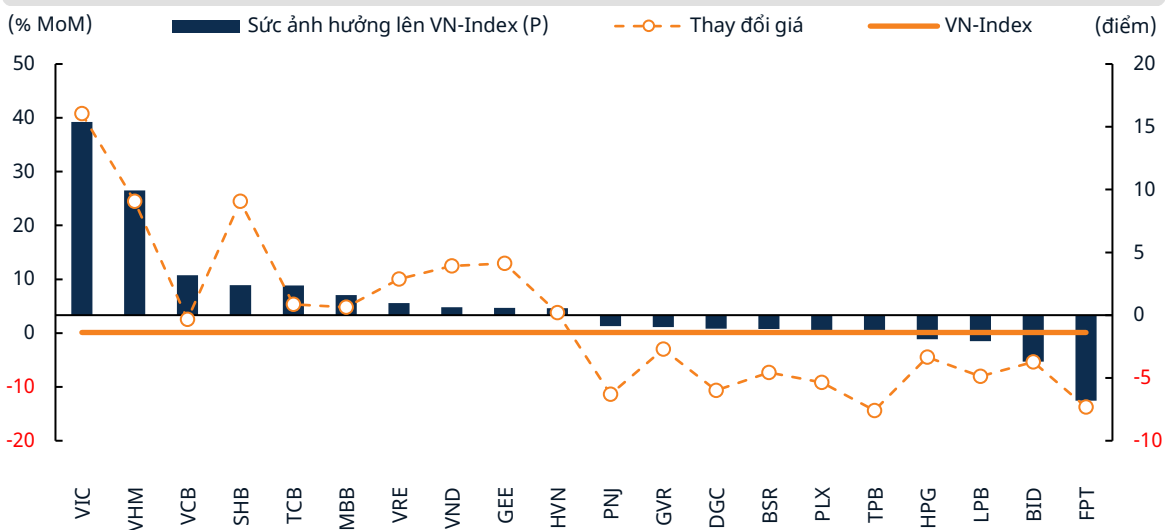
- Trước thời điểm công bố thuế quan, thị trường chứng khoán Việt Nam bắt đầu xuất hiện những dấu hiệu suy yếu khi diễn biến giao dịch giữa các nhóm ngành đã trở nên phân hóa rõ rệt, và VN-Index dao động trong vùng kháng cự từ 1.300 đến 1.330 điểm trong suốt 3 tuần liên tiếp. Đáng chú ý, nhóm ngành Bất động sản (đặc biệt là bộ ba cổ phiếu thuộc Tập đoàn Vingroup gồm VIC, VHM và VRE) trở thành điểm sáng với kỳ vọng phục hồi trong năm 2025 đã phần nào tạo lực đỡ và cân bằng áp lực giảm điểm đang diễn ra trên toàn thị trường.
- Trong các phiên giao dịch đầu tháng 4, các tin tức liên quan đến thuế đối ứng của Mỹ đã một lần nữa kích hoạt động thái chốt lời, diễn ra trong bối cảnh bán tháo lan rộng trên các thị trường trọng điểm như Mỹ, châu Âu và châu Á. Tại Việt Nam, VN-Index phản ứng gần như ngay lập tức với mức giảm 6,7% vào ngày 3/4 khi 28 cổ phiếu thuộc VN30 giảm hết biên độ (-7%). Mặc dù thị trường ghi nhận phiên phục hồi đầu tiên vào ngày 4/4, lực cầu từ phía nhà đầu tư vẫn còn tương đối yếu.
- Trong tháng 3, VN-Index tăng nhẹ 1,5 điểm, đóng cửa ở mức 1.306,86 (+0,11% so với tháng trước). Tuy nhiên, chỉ số này đã mất hơn 106 điểm trong tuần đầu tiên của tháng 4, đưa chỉ số chuẩn của HOSE xuống còn 1.210,67 điểm (-8,11% so với tuần trước) tính đến ngày 4/4.

Tổng quan diễn biến tháng 3



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 31/03/2025.

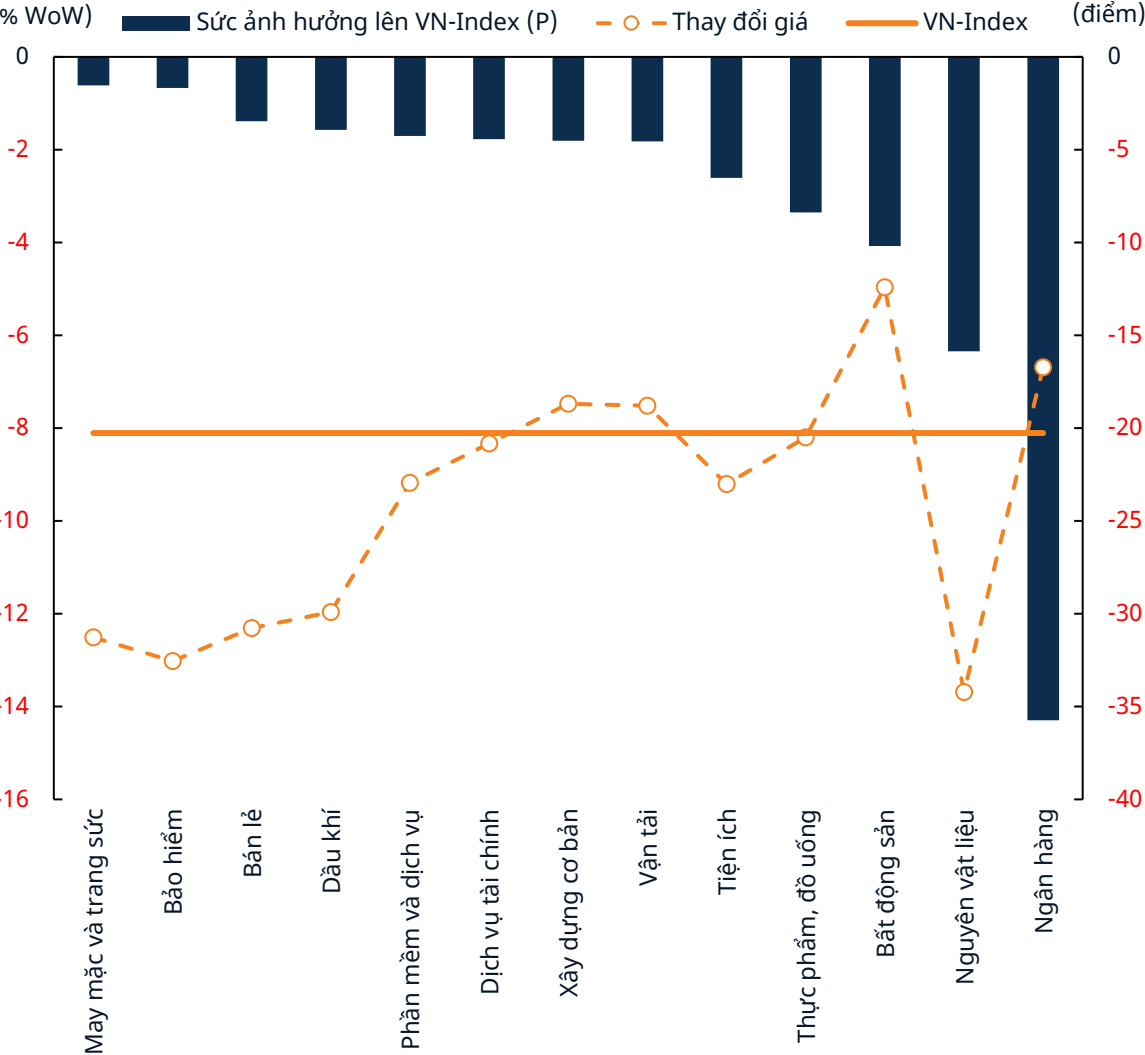
Top cổ phiếu ảnh hưởng đến chỉ số VN-Index



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 31/03/2025.

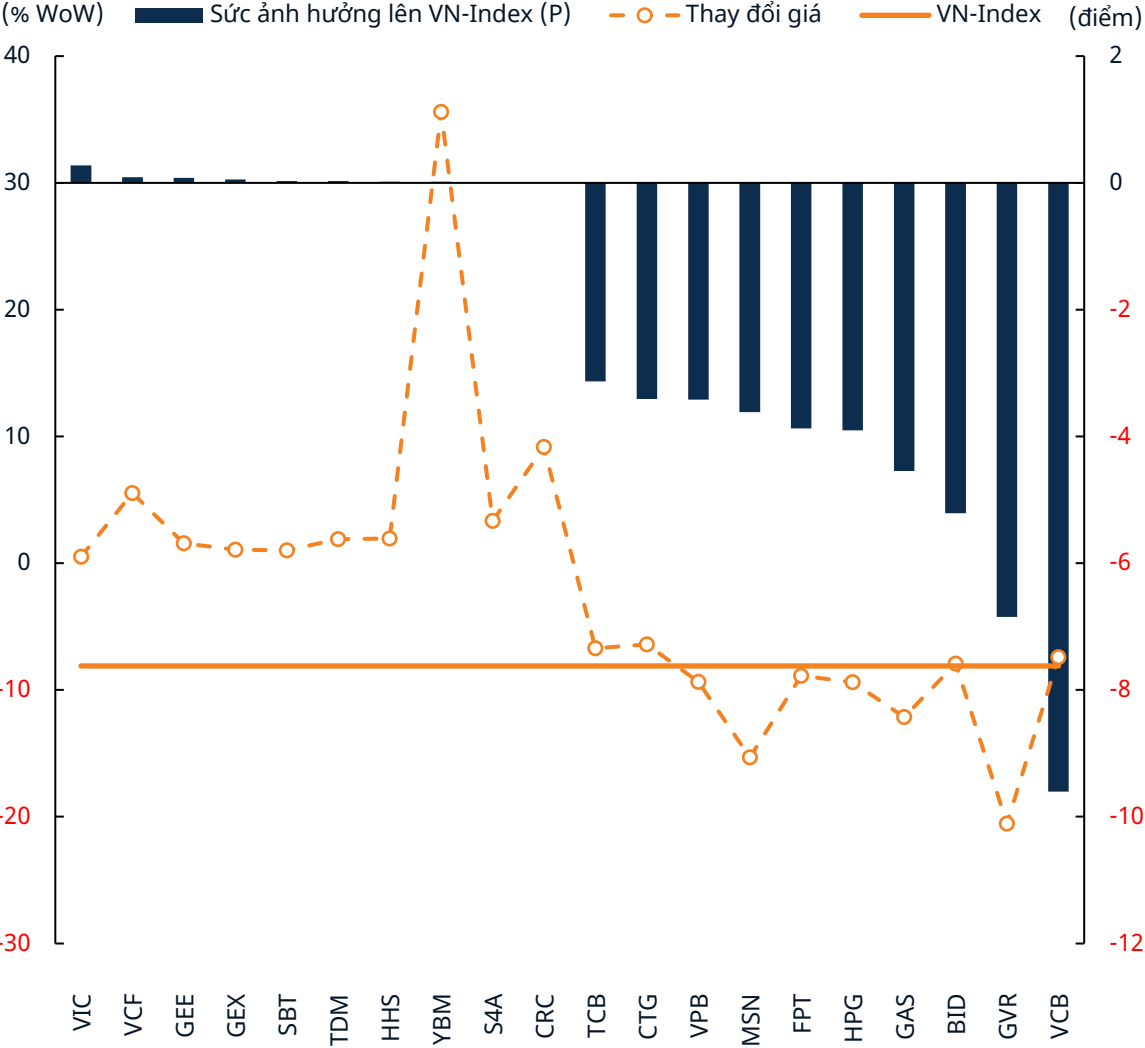
④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Hiệu suất giao dịch theo ngành trong giai đoạn từ ngày 31/03 đến ngày 04/04



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 04/04/2025.

Top cổ phiếu ảnh hưởng đến chỉ số VN-Index trong giai đoạn từ ngày 31/03 đến ngày 04/04



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 04/04/2025.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Hiệu suất giao dịch theo ngành trong tháng 3																		
Phân ngành GICS	Vốn hóa (tỷ đồng)	Tỷ trọng vốn hóa	Vốn hóa 1 năm gần nhất	Biến động vốn hóa					Tăng trưởng LNST (YoY)						Tăng trưởng LNST (YoY)			
				1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	YTD	2019	2020	2021	2022	2023	2024	1Q24	2Q24	3Q24	4Q24
Ngân hàng	2.207.962	43,6%		0,2%	5,0%	4,3%	6,5%	5,0%	30,7%	16,2%	32,5%	35,8%	4,3%	18,8%	10,0%	19,0%	16,7%	29,2%
Bất động sản	783.703	15,5%		15,4%	19,0%	13,6%	18,1%	19,0%	39,0%	-0,9%	9,2%	-2,3%	-7,7%	0,1%	-34,3%	-73,5%	48,3%	141,2%
Nguyên vật liệu	455.585	9%		-4,7%	0,6%	-4,2%	-4,7%	0,6%	-6,4%	54,2%	117,2%	-48,0%	-41,8%	42,5%	91,7%	84,4%	24,3%	8,1%
Thực phẩm, đồ uống	404.961	8,0%		-2,1%	-3,5%	-8,0%	-5,6%	-3,5%	5,9%	-19,6%	34,1%	-12,2%	-24,4%	17,0%	28,3%	0,5%	23,2%	23,5%
Tiện ích	290.062	5,7%		-1,0%	-0,3%	-4,9%	-9,7%	-0,3%	13,3%	-19,9%	12,5%	47,5%	-29,1%	-21,1%	-55,8%	-23,2%	69,2%	-26,2%
Xây dựng cơ bản	241.050	5%		-2,0%	8,7%	6,7%	7,0%	8,7%	3,7%	5,0%	13,7%	-5,5%	-12,7%	41,5%	29,4%	27,9%	8,8%	114,6%
Vận tải	239.305	4,7%		-0,5%	0,1%	11,6%	19,3%	0,1%	-20,3%	-171,7%	-1,2%	10,9%	115,4%	1423,3%	415,9%	137,8%	466,4%	602,9%
Dịch vụ tài chính	216.908	4,3%		0,8%	8,1%	2,7%	0,6%	8,1%	-23,2%	38,3%	151,3%	-54,9%	61,8%	14,0%	91,6%	7,6%	2,1%	-18,7%
Phần mềm và dịch vụ	188.885	3,7%		-13,7%	-20,4%	-9,4%	19,6%	-20,4%	18,6%	12,3%	22,9%	21,0%	21,6%	20,5%	22,5%	22,2%	17,5%	21,1%
Dầu khí	135.271	2,7%		-8,3%	-7,8%	-16,8%	-3,5%	-7,8%	-4,1%	-105,4%	2465,6%	62,8%	-23,5%	-56,2%	3,2%	-6,5%	-109,4%	-71,7%
Bán lẻ	114.940	2,3%		-1,4%	-4,9%	-12,3%	11,5%	-4,9%	20,1%	0,2%	41,0%	-8,2%	-93,2%	1101,7%	710,1%	1534,4%	527,2%	589,7%
Bảo hiểm	52.619	1,0%		-4,9%	4,4%	20,1%	19,5%	4,4%	13,9%	28,5%	27,4%	-19,6%	22,9%	7,1%	13,1%	7,0%	-1,0%	8,6%
May mặc và trang sức	51.209	1,0%		-8,5%	-11,2%	-11,2%	-12,1%	-11,2%	5,3%	26,6%	17,1%	27,3%	-34,2%	28,1%	9,9%	33,5%	29,7%	44,0%
Dược phẩm	34.998	0,7%		-3,4%	-4,5%	-3,0%	2,6%	-4,5%	3,8%	8,4%	8,0%	24,2%	1,9%	-12,4%	-23,4%	-20,7%	-9,5%	7,1%
VN-Index	5.062.042	100%		0,27%	3,4%	1,8%	6,3%	3,4%	16,3%	-3,5%	42,5%	7,8%	-6,1%	17,9%	10,0%	5,9%	21,8%	36,2%

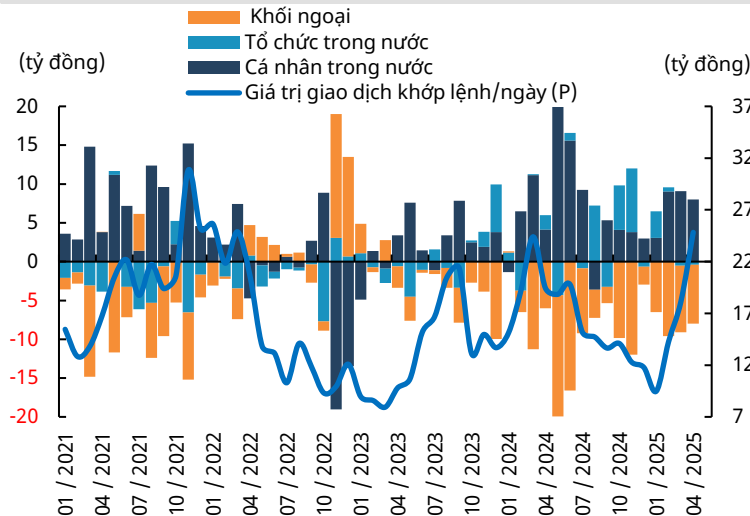
Nguồn: Phòng phân tích Mirae Asset Việt Nam, dữ liệu Bloomberg và FiinPro (cập nhật đến ngày 31/03/2025). Điểm màu đỏ trên đồ thị xu hướng vốn hóa là mức thấp nhất, điểm màu xanh là mức cao nhất. Biến động giá được tính trên cơ sở đo lường sự thay đổi của vốn hóa. Lưu ý: Số liệu tổng lợi nhuận sau thuế và cổ đông thiểu số (LNST) và kế hoạch kinh doanh qua các năm được chúng tôi tổng hợp từ nguồn báo cáo tài chính của các công ty niêm yết trên sàn HOSE.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tâm lý thận trọng gia tăng tại vùng giá cao

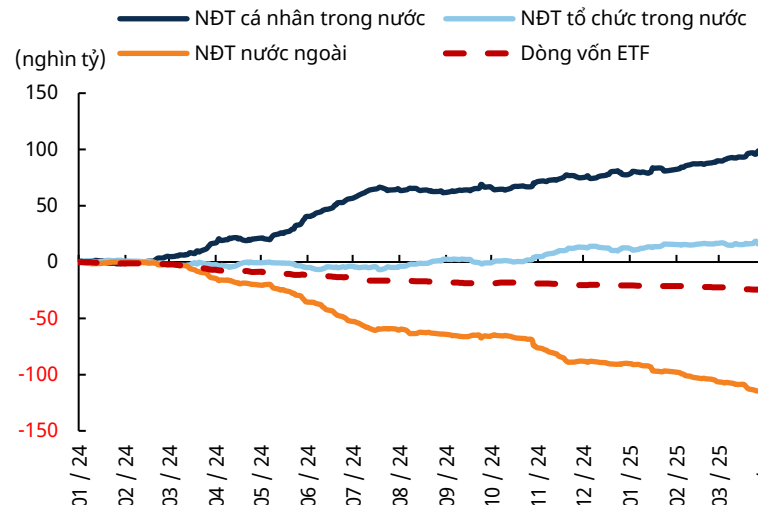
- Trong suốt tháng 3, lực mua ròng từ các nhà đầu tư cá nhân trong nước tiếp tục là yếu tố hỗ trợ chính cho đà tăng của thị trường, mặc dù lực cầu đã trở nên thận trọng hơn trong nửa cuối tháng. Qua đó, thanh khoản duy trì ở mức cao, với giá trị khớp lệnh bình quân mỗi phiên đạt 18,1 nghìn tỷ đồng (+27% so với tháng trước).
- Trong khi đó, các nhà đầu tư tổ chức trong nước ghi nhận giá trị giao dịch ròng chỉ vọt vọt 10 tỷ đồng kể từ đầu tháng 3 đến ngày 4/4 với tổng giá trị mua ròng từ đầu năm đến nay đạt 3,97 nghìn tỷ đồng. Đáng chú ý, Tự doanh mua ròng 3,4 nghìn tỷ đồng trong cùng giai đoạn (riêng giá trị giải ngân trong tuần 31/3 – 4/4 đạt 2,2 nghìn tỷ đồng), tập trung vào các nhóm ETF (1,4 nghìn tỷ đồng), Ngân hàng (753 tỷ đồng), Xây dựng (565 tỷ đồng), Chứng khoán (435 tỷ đồng) và Thực phẩm & Đồ uống (204 tỷ đồng), và cuối cùng là mua ròng trở lại đối với Bán lẻ (88 tỷ đồng).
- Khối ngoại bán ròng 9,85 nghìn tỷ đồng trong tháng 3 và 7,6 nghìn tỷ đồng trong đầu tháng 4, nâng tổng giá trị bán ròng từ đầu năm đến ngày 4/4 lên 33,53 nghìn tỷ đồng.** Áp lực bán chủ yếu tập trung vào nhóm Ngân hàng (2,2 nghìn tỷ đồng), Công nghệ (5 nghìn tỷ đồng) và Thực phẩm & Đồ uống (3,1 nghìn tỷ đồng). Ngược lại, các nhà đầu tư này tích lũy cổ phiếu thuộc nhóm Bất động sản (2,5 nghìn tỷ đồng) và Chứng khoán (1,4 nghìn tỷ đồng).
- Tâm lý tiêu cực cũng được phản ánh qua dòng vốn ETF, với giá trị rút ròng đạt 106 triệu USD (tương đương khoảng 2,6 nghìn tỷ đồng). Làn sóng bán tháo này chủ yếu thông qua các quỹ ETF lớn tập trung vào thị trường Việt Nam, đặc biệt là Fubon FTSE Vietnam (-1,7 nghìn tỷ đồng), DCVFMVN Diamond (-327 tỷ đồng), DCVFMVN30 (-321 tỷ đồng) và VanEck Vietnam (-123 tỷ đồng), phần nào bù đắp bởi dòng vốn vào KIM Growth VN30 (+18 tỷ đồng).

Thanh khoản thị trường và mua/bán ròng theo nhóm NĐT



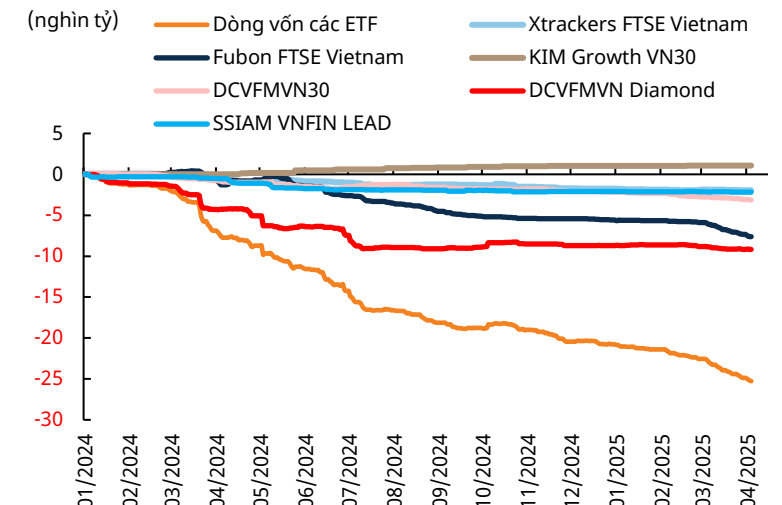
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ FiinPro, cập nhật tới 04/04/2025.

Lũy kế mức mua/bán ròng từ 2024 theo nhóm nhà đầu tư



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ FiinPro, cập nhật tới 04/04/2025.

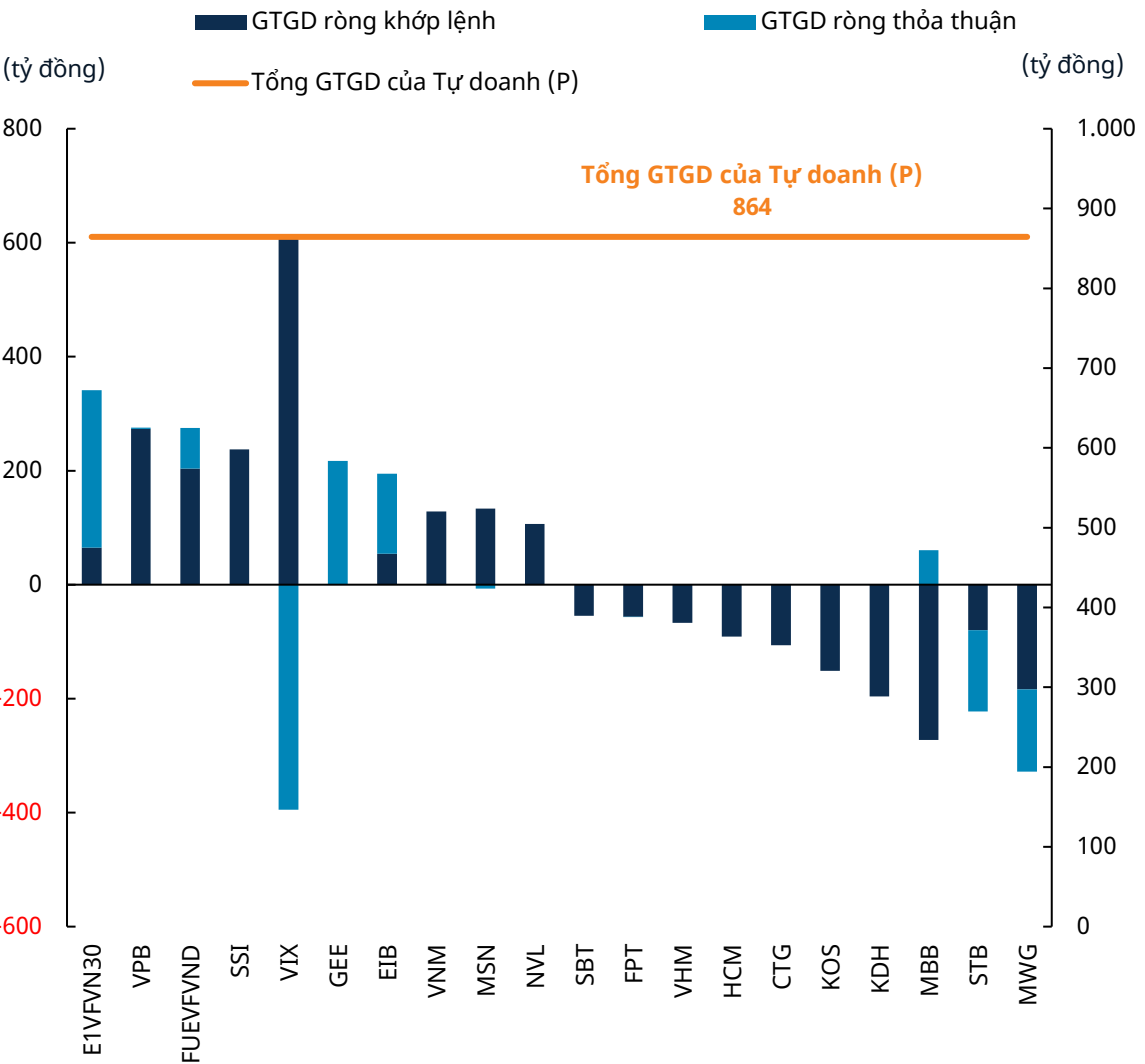
Lũy kế dòng tiền ETF mua/bán ròng từ 2024



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 04/04/2025.

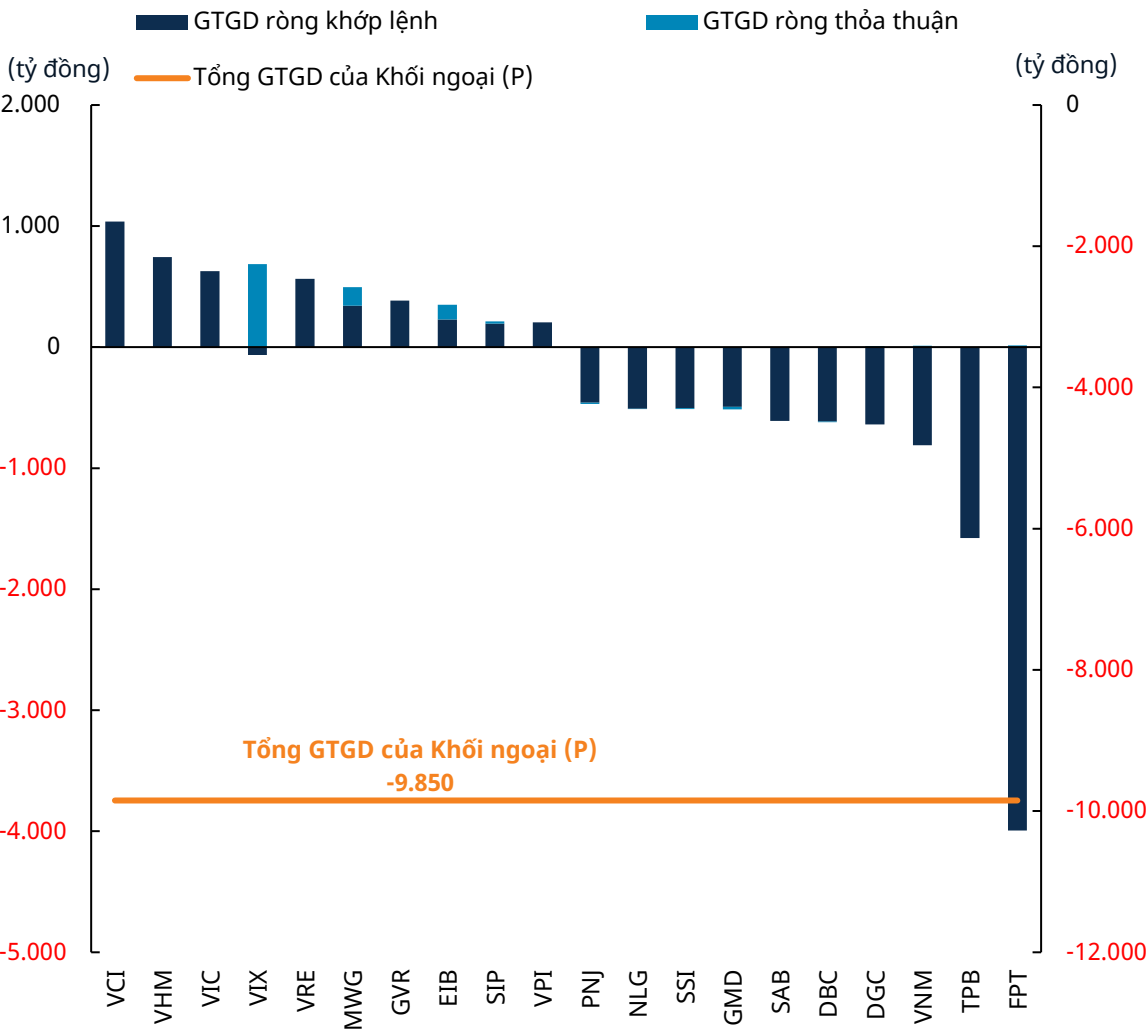
④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Top giá trị giao dịch ròng của Tự doanh trong tháng 3



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ FiinPro, cập nhật tới 31/03/2025.

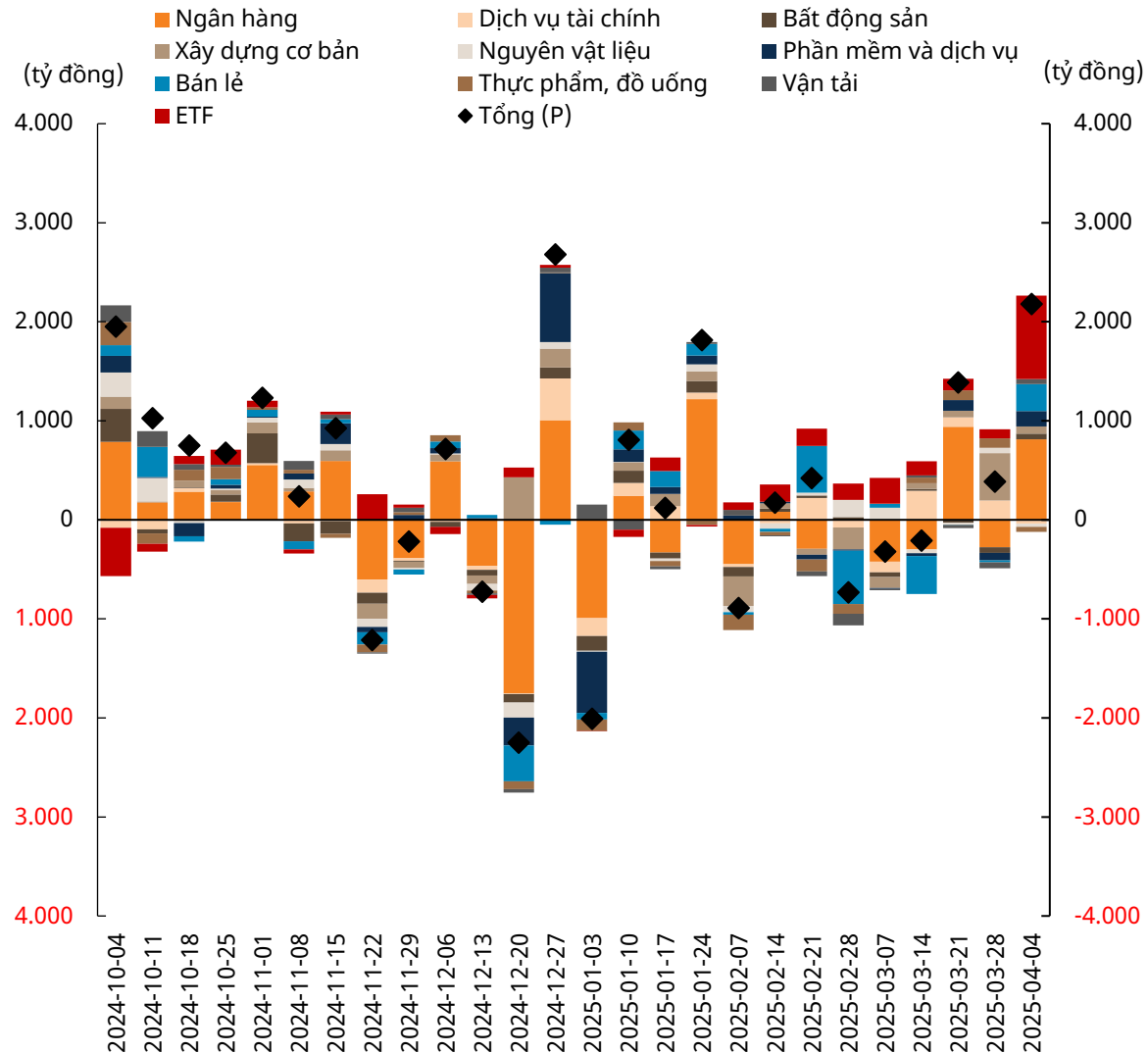
Top giá trị giao dịch ròng của khối ngoại trong tháng 3



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ FiinPro, cập nhật tới 31/03/2025.

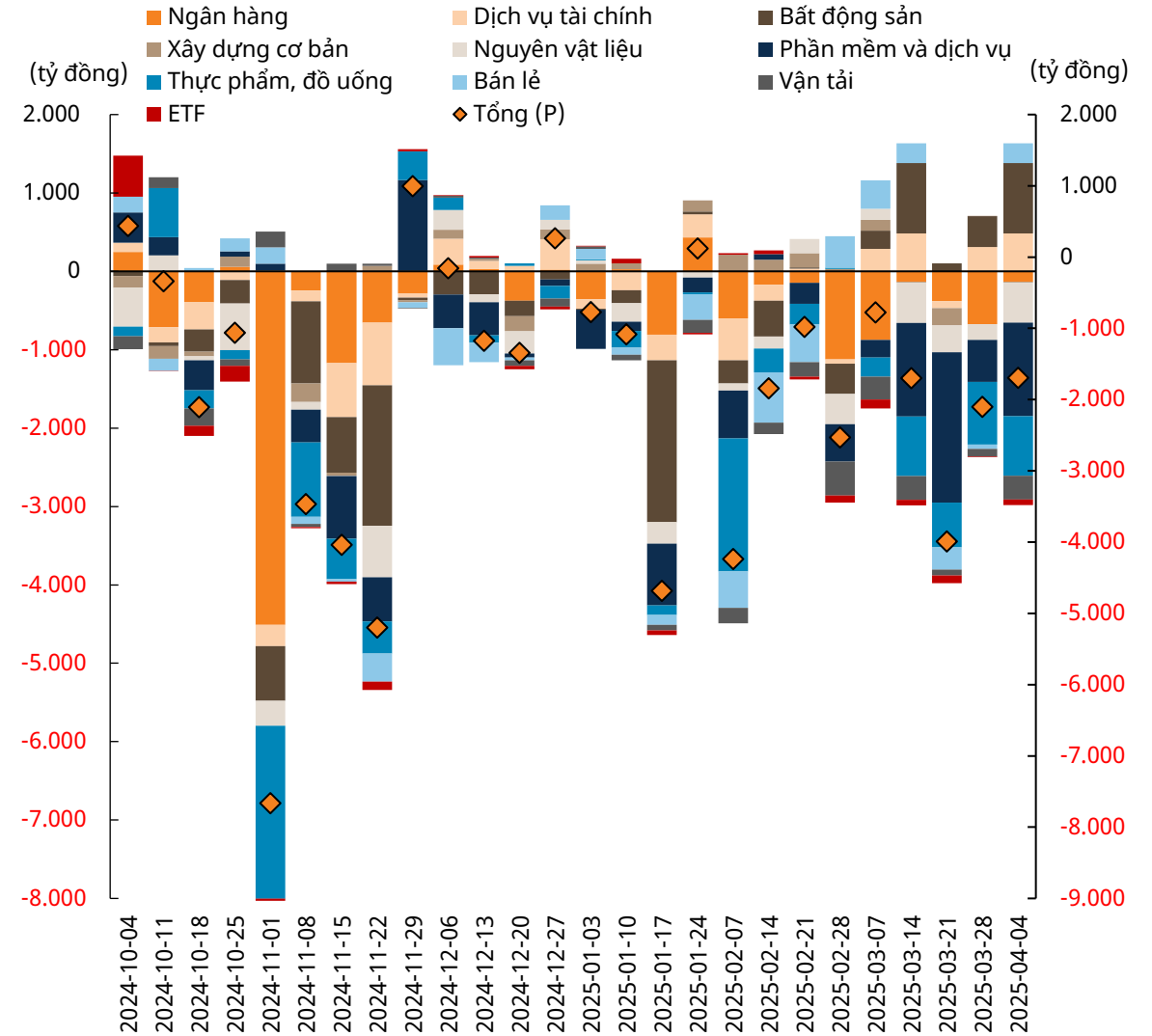
④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Dòng tiền của nhóm Tự doanh qua từng tuần



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ FiinPro, cập nhật tới 04/04/2025.

Dòng tiền của Khối ngoại qua từng tuần



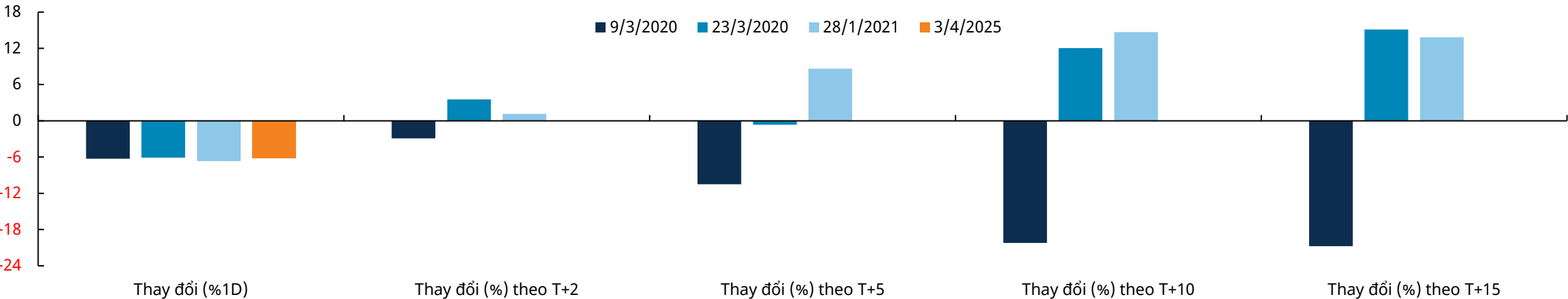
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ FiinPro, cập nhật tới 04/04/2025.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Triển vọng thị trường tháng 4:

- Thương chiến:
 - Chúng tôi tiếp tục chứng kiến hàng loạt biện pháp chủ động và đồng bộ từ phía Việt Nam, bao gồm cam kết giảm toàn bộ thuế nhập khẩu đối với hàng hóa Mỹ xuống 0% và duy trì lập trường trung lập trong thương mại quốc tế. Tuy nhiên, tác động tổng thể được dự báo sẽ ở mức khiêm tốn so với quy mô nhập khẩu 13 tỷ USD từ Mỹ trong năm 2024, nhất là khi chiến lược của Mỹ – thể hiện qua công thức tính thuế quan – chủ yếu nhằm thu hẹp thâm hụt thương mại hoặc gia tăng lợi thế thông qua ba mục tiêu chính: (i) tăng cường nhập khẩu từ Mỹ – điều gần như bất khả thi đối với Việt Nam nếu muốn đưa thâm hụt thương mại 120 tỷ USD xuống mức 0; (ii) đảo ngược dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) quay lại Mỹ bằng cách di dời nhà máy, một quá trình đòi hỏi nguồn vốn lớn và không khả thi trong ngắn hạn; (iii) nâng cao hợp tác song phương và gỡ bỏ các hạn chế đối với hàng hóa có xuất xứ từ Mỹ. Nhìn chung, kéo dài thời gian đàm phán dường như là biện pháp khả thi nhất cho đến khi Việt Nam và Mỹ thành công đạt được thỏa thuận về những sáng kiến hợp tác thương mại mới.
- Chứng khoán:
 - Mặc dù rủi ro chiến tranh thương mại vẫn còn là mối lo ngại, các động lực tăng trưởng nội tại của Việt Nam dự kiến sẽ là nền tảng vững chắc cho triển vọng trung và dài hạn. Những yếu tố hỗ trợ bao gồm trọng tâm của chính phủ vào tăng trưởng GDP được củng cố thông qua giải ngân đầu tư công, cải thiện môi trường kinh doanh và tăng tốc đầu tư khu vực tư nhân, cải thiện xu hướng tiêu dùng nội địa, cùng với kỳ vọng mới về khả năng nâng hạng thị trường trong bối cảnh VN-Index hiện đang giao dịch ở vùng dưới một lần độ lệch chuẩn so với mức P/E bình quân 10 năm. Dù vậy, trong ngắn hạn, các yếu tố bất lợi có thể kích hoạt các đợt giảm mạnh, chủ yếu do tâm lý bi quan và áp lực bán giải chấp. Vì thế, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư duy trì thái độ thận trọng trong các phiên sắp tới, chờ thêm thông tin về quá trình đàm phán thuế quan giữa Việt Nam và Mỹ. Theo kịch bản thận trọng nhất, nếu Việt Nam không thể thương thảo để hạ mức thuế đối ứng xuống 10% hoặc không thể bảo đảm các miễn trừ cho những mặt hàng thiết yếu, tâm lý bi quan kéo dài và áp lực bán ra thì nhiều khả năng sẽ đẩy các ngưỡng hỗ trợ về vùng 1.125–1.150 điểm.

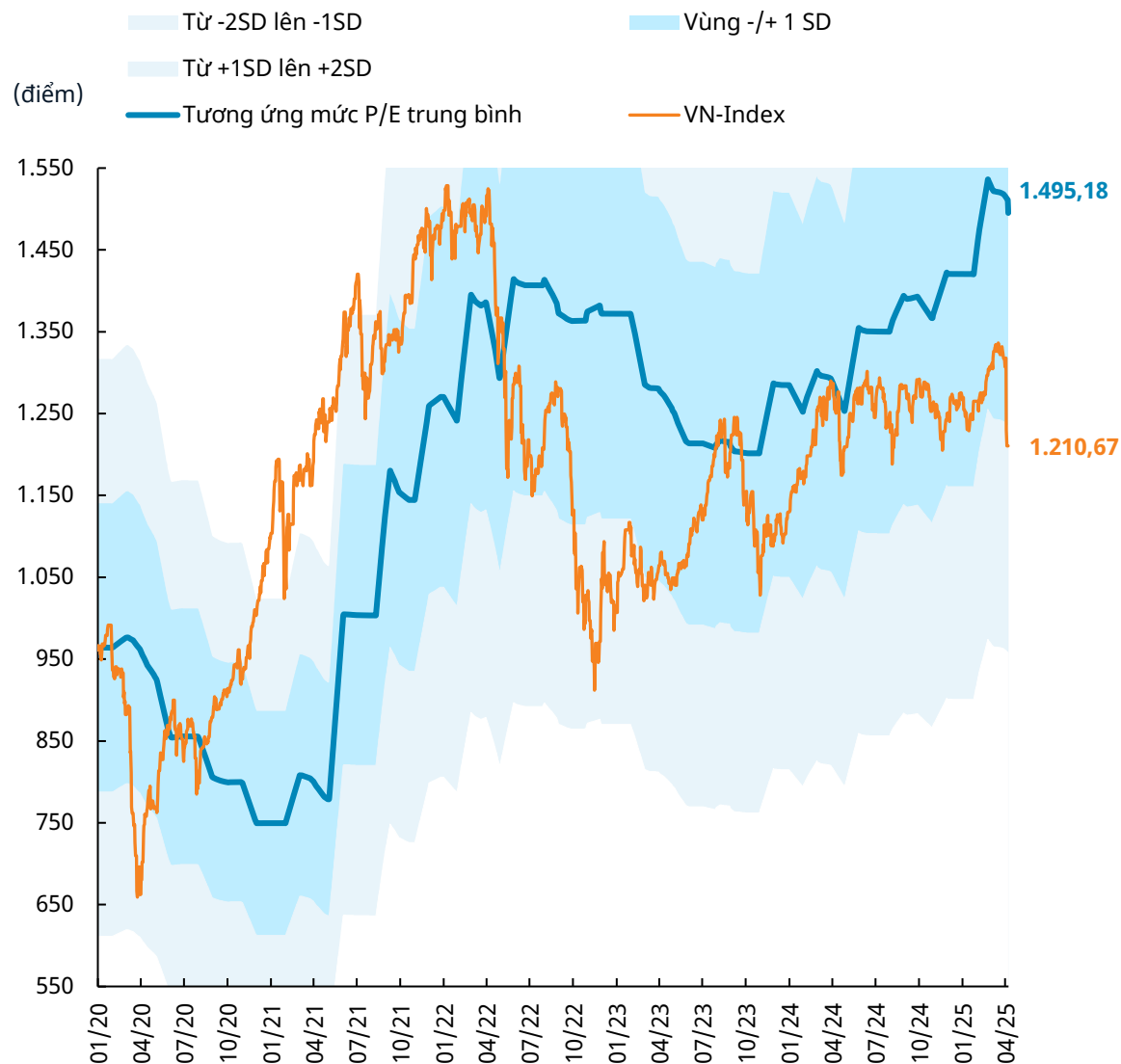
Đo lường sự thay đổi của chỉ số VN-Index ở những phiên tiếp theo sau khi ghi nhận đà giảm hơn 6% chỉ trong một ngày



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 03/04/2025

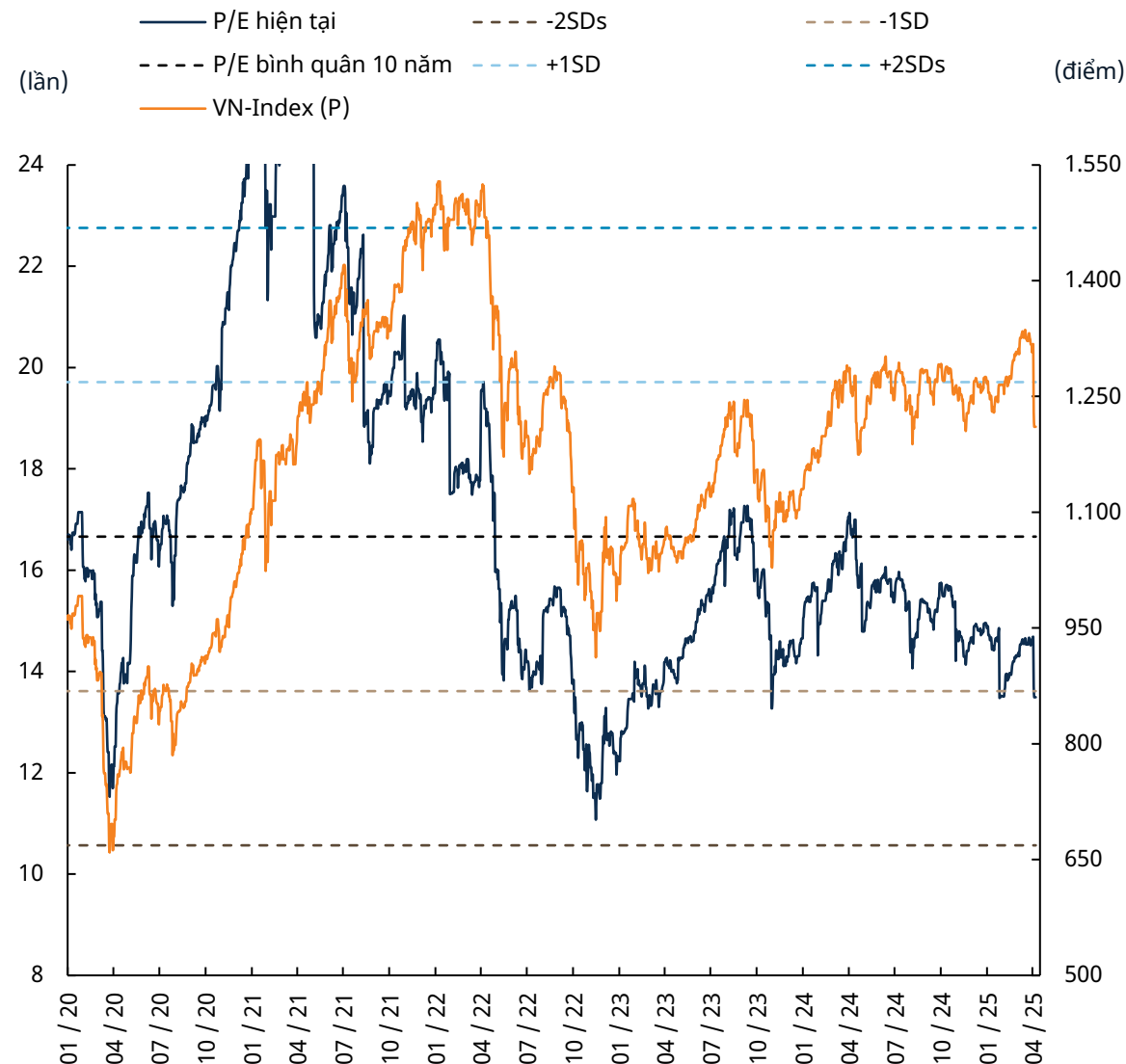
④ Thị trường chứng khoán Việt Nam

VN-Index giảm về dưới mốc P/E bình quân 10 năm



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 04/04/2025

Định giá của thị trường Việt Nam vẫn còn hấp dẫn so với lịch sử



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 04/04/2025

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)					Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
VN-Index		5.062.042	1.210,67	1.333,32	1.158,17	-7,72	-3,50	-4,72	-5,4	-4,5	14,1	1,7	13,3	16,46	24,32
VN30 Index		3.582.276	1.280,52	1.394,39	1.186,51	-6,39	-3,03	-4,17	-2,3	1,0	11,0	1,6	15,5	19,72	14,26
VN70 Index		900.410	1.743,47	2.031,02	1.695,81	-12,90	-6,86	-8,33	-12,0	-9,1	17,8	1,5	8,7	14,45	37,37
VNFinLead Index		2.202.045	2.121,32	2.306,81	1.892,98	-6,23	1,42	0,18	4,1	3,3	8,4	1,3	15,8	19,18	11,23
Ngân hàng	VCB	501.341	60.000	67.000	56.200	-3,55	-2,50	-2,82	1,93	-6,56	15,4	2,6	18,6	22,7	7,3
	BID	252.769	36.000	45.041	33.550	-11,76	-5,76	-11,46	-7,91	-14,59	11,4	2,0	19,2	17,6	12,4
	CTG	207.819	38.700	42.400	30.250	-6,97	4,03	8,71	19,81	15,35	8,7	1,5	18,5	26,8	3,2
	TCB	181.567	25.700	27.900	21.000	-6,55	8,90	6,86	9,36	11,74	8,6	1,3	15,6	22,5	0,0
	VPB	138.447	17.450	20.950	16.650	-8,64	-6,93	-12,75	-8,40	-9,59	9,7	1,1	11,4	24,8	5,3
	MBB	136.996	22.450	24.900	18.913	-4,06	4,52	2,86	13,23	8,48	6,2	1,3	22,1	23,2	0,0
	ACB	106.306	23.800	26.800	22.500	-8,99	-5,18	-6,30	-1,45	-0,65	6,9	1,4	21,7	30,0	0,0
	LPB	98.431	32.950	38.300	14.426	-7,18	8,39	22,18	22,76	125,72	11,1	2,5	25,1	0,8	4,2
	HDB	72.697	20.800	25.000	18.250	-9,37	-14,93	-8,57	1,67	6,90	6,3	1,5	25,8	17,2	0,3
	STB	70.507	37.400	39.900	26.150	-4,59	3,60	12,99	25,08	25,93	7,2	1,3	20,0	21,9	8,1
	VIB	55.710	18.700	21.200	17.400	-11,37	-2,35	-2,86	2,96	-5,69	8,8	1,5	18,1	5,0	0,0
	SSB	54.624	19.200	21.128	15.200	-1,29	14,29	9,71	4,36	-0,86	11,6	1,6	14,5	0,2	4,8
	SHB	48.986	12.050	12.800	9.144	20,86	30,49	23,28	14,32	19,42	7,0	1,1	17,3	3,1	26,9
	TPB	33.685	12.750	18.100	12.400	-21,30	-21,30	-26,09	-13,31	-16,85	4,4	0,7	17,1	26,4	3,6
	EIB	33.529	18.000	22.200	15.187	-19,10	-1,37	-3,49	1,10	7,60	12,2	1,6	14,0	3,8	26,2
	MSB	28.470	10.950	13.200	10.077	-3,95	-3,10	-13,44	-3,49	-1,15	5,3	0,8	16,2	27,5	2,5
	OCB	25.274	10.250	13.100	9.820	-9,69	-5,53	-19,92	-14,88	-14,88	8,7	0,9	10,5	19,6	2,4
	NAB	22.304	16.250	18.000	12.520	-4,41	3,83	-0,91	23,86	26,95	6,3	1,2	20,9	1,8	28,2
Dịch vụ tài chính	SSI	46.594	23.750	30.415	22.900	-9,87	-6,31	-13,00	-14,20	-21,60	17,7	2,0	11,4	37,9	62,1
	VCI	26.570	37.000	40.154	31.500	-1,20	12,80	2,07	1,69	-7,50	26,3	2,5	10,2	29,3	70,7
	VND	22.226	14.600	19.589	11.400	7,75	18,22	-0,34	-12,05	-26,13	21,5	2,2	11,1	10,7	89,4
	HCM	19.691	27.350	32.650	23.500	-13,45	-4,20	-10,18	-0,55	-6,66	11,3	1,1	9,5	43,2	5,8
	VIX	17.502	12.000	13.231	9.098	4,35	21,70	1,69	6,21	-10,43	21,7	1,1	5,3	8,3	91,7
	FTS	13.460	44.000	51.400	33.750	-11,11	6,80	-0,45	2,80	-1,28	26,4	3,7	14,6	29,7	70,3
	SHS	10.815	13.300	20.900	10.800	-3,62	6,40	-15,82	-24,86	-34,80	11,2	1,0	9,4	6,9	42,1
	EVF	6.974	9.170	15.093	8.800	-13,90	4,20	-15,35	-29,51	-37,71	15,6	0,9	6,1	0,6	14,4
Bảo hiểm	BVH	33.516	45.150	58.300	38.200	-20,23	-9,25	5,37	-3,63	7,24	18,7	0,9	4,7	26,6	22,4
	PVI	15.273	65.200	69.000	44.400	-1,06	11,07	43,61	14,59	30,66	20,1	1,9	9,5	57,7	42,3
	MIG	3.273	16.250	21.664	15.150	-9,72	-7,93	2,83	-20,52	-2,66	14,0	1,5	11,3	16,7	83,3

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 04/04/2025. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi ít nhất bốn quỹ ETF khác nhau; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)					Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Nguyên vật liệu	HPG	157.348	24.600	29.950	23.600	-11,67	-7,52	-6,11	-14,29	-8,58	15,0	1,6	11,1	21,2	27,8
	GVR	110.600	27.650	38.200	27.500	-17,46	-8,75	-20,77	-21,00	-16,47	31,5	2,5	8,2	0,8	12,2
	DGC	32.091	84.500	134.000	84.100	-24,55	-26,84	-25,55	-32,40	-31,08	15,4	3,2	22,4	15,5	33,5
	DCM	15.141	28.600	40.050	28.600	-19,09	-18,63	-24,14	-23,22	-19,21	14,8	1,9	12,6	5,1	43,9
	DPM	12.405	31.700	39.950	30.600	-13,98	-10,83	-9,69	-14,32	-12,31	24,2	1,3	5,3	8,7	40,3
	HSG	9.470	15.250	25.600	15.100	-18,45	-16,21	-27,55	-38,88	-34,27	20,1	1,0	5,3	7,4	41,6
	PHR	7.385	54.500	68.800	50.000	-17,42	3,61	-6,36	-11,67	-12,94	11,8	0,9	8,0	17,4	31,6
	NKG	5.908	13.200	21.150	13.200	-16,19	-8,01	-21,91	-31,68	-32,63	11,0	1,4	13,2	5,7	44,3
	DPR	3.493	40.200	52.900	35.100	-15,10	4,69	-5,30	-7,16	-5,41	5,9	0,9	16,4	5,2	44,9
Bất động sản	VIC	222.919	58.300	59.500	40.150	38,97	43,95	42,20	40,82	21,84	13,4	1,1	9,4	9,2	38,9
	VHM	206.603	50.300	51.900	34.600	19,62	25,75	21,20	30,82	16,98	37,2	4,0	11,1	12,4	37,6
	BCM	67.793	65.500	80.000	50.700	-13,59	-7,09	-3,53	2,66	3,15	9,9	1,0	10,3	2,0	32,0
	VRE	42.720	18.800	25.100	16.300	6,21	9,30	2,73	-11,53	-25,69	42,8	2,0	4,9	18,9	30,1
	KDH	28.312	28.000	35.950	27.700	-17,04	-19,54	-17,76	-18,84	-17,54	54,0	1,2	2,3	35,8	14,2
	KBC	19.612	25.550	33.650	24.600	-16,50	-5,89	-6,07	-12,80	-24,18	17,1	4,5	27,7	19,0	30,0
	SIP	15.685	74.500	91.900	66.522	-19,02	-8,25	3,62	-5,85	0,91	68,1	4,4	6,6	5,9	43,1
	VPI	17.987	56.200	59.900	46.417	-4,42	-4,42	-0,53	9,84	17,29	33,2	1,5	5,0	12,2	36,9
	PDR	15.149	17.350	29.724	16.900	-13,68	-15,16	-16,59	-28,01	-40,91	48,0	1,2	2,5	8,2	41,8
	DXG	12.323	29.900	45.850	29.900	-12,32	-17,06	-25,06	-30,47	-32,88	42,0	1,3	3,2	20,2	29,8
	NLG	11.514	14.150	19.475	12.040	-12,92	-6,06	-2,97	-5,45	-26,44	27,1	1,4	5,1	37,6	12,5
	CEO	6.809	12.600	22.476	11.600	-13,70	-3,08	-17,11	-21,72	-43,46	19,1	6,0	35,8	4,4	44,6
	NTC	3.958	29.900	43.700	29.900	-19,08	-15,42	-14,81	-23,43	-19,19	29,8	0,7	2,4	1,8	-1,8
	LHG	1.495	164.900	240.000	164.900	-31,29	-22,51	-8,64	-23,16	-21,85	15,6	1,1	7,5	17,1	31,9
Xây dựng cơ bản	VEA	49.830	37.500	50.900	35.200	-6,95	-6,48	-13,39	-16,29	1,63	10,0	1,1	11,3	1,7	47,3
	REE	30.993	65.800	74.200	50.174	-9,99	0,61	-0,75	0,77	20,30	8,6	2,1	24,6	49,0	0,0
	VGC	18.988	42.350	57.400	39.650	-17,93	-9,89	-2,31	-19,33	-25,57	17,1	1,8	11,0	5,8	43,2
	GEX	20.283	23.600	24.800	17.800	1,72	28,26	11,32	3,96	-2,48	21,2	2,8	13,7	7,7	42,4
	IDC	14.454	43.800	64.300	43.800	-22,48	-20,80	-22,06	-28,20	-24,48	12,3	1,4	12,3	20,6	28,5
	HUT	13.209	14.800	19.600	12.700	-11,90	-6,33	-9,20	-13,95	-22,11	9,4	3,3	37,7	1,2	48,8

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 04/04/2025. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi ít nhất bốn quỹ ETF khác nhau; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)					Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Xây dựng cơ bản	VCG	12.391	20.700	22.589	17.050	-5,48	14,36	12,50	10,70	-8,72	111,4	1,8	1,6	6,1	42,9
	TCH	11.059	16.550	21.650	13.500	-5,70	11,82	-3,78	-15,13	0,61	25,3	7,4	28,2	8,9	42,1
	DIG	10.520	17.250	33.950	17.250	-13,53	-9,92	-20,69	-36,35	-46,43	13,7	1,6	12,2	2,5	46,5
	CTR	9.757	85.300	162.000	85.300	-28,92	-34,13	-33,36	-41,25	-36,10	116,7	1,6	1,4	7,6	41,4
	BMP	9.389	114.700	136.100	93.000	-4,89	-13,95	-0,95	14,47	-1,04	12,0	1,2	10,8	82,3	17,7
	HDG	7.635	22.700	32.000	22.700	-18,49	-20,77	-17,00	-22,13	-15,36	9,9	3,6	36,8	19,4	30,6
	CTD	7.425	74.300	97.800	61.000	-18,80	8,94	20,81	3,19	5,54	16,4	1,5	9,4	49,0	0,0
	PC1	7.582	21.200	27.783	19.650	-11,30	-6,61	-11,51	-17,50	-13,55	23,9	1,0	4,4	15,5	34,5
	SZC	6.515	36.200	46.200	34.550	-21,13	-13,60	0,28	-9,16	-16,49	20,7	1,6	7,8	2,4	17,6
	HHV	4.841	11.200	14.667	10.400	-13,18	-2,18	-5,88	-6,29	-23,88	26,9	2,6	12,5	6,6	42,4
	IJC	4.571	12.100	16.600	11.950	-16,84	-12,64	-8,68	-19,87	-21,94	13,8	1,6	11,8	4,8	44,2
	PTB	3.380	50.500	76.500	49.300	-15,83	-22,31	-14,55	-29,47	-18,42	23,1	3,1	14,6	21,3	3,7
	BCG	3.002	3.410	8.955	3.390	-31,66	-45,44	-45,87	-56,48	-57,76	21,4	5,9	29,7	1,3	48,7
Thực phẩm và Đồ uống	MCH	134.586	128.000	173.728	91.436	-13,98	-23,37	-8,78	-16,75	32,35	15,5	4,0	26,3	2,7	47,3
	VNM	122.262	58.500	75.600	53.800	-7,87	-7,14	-14,60	-11,90	-14,22	50,4	3,2	7,0	50,1	49,9
	MSN	83.424	58.000	81.400	57.200	-16,06	-16,79	-23,28	-24,48	-20,98	15,4	2,8	18,2	25,3	23,7
	SAB	55.599	43.350	69.400	42.650	-16,63	-21,18	-23,41	-28,93	-23,27	7,0	1,8	26,9	59,6	40,4
	QNS	16.360	44.500	52.200	43.500	-11,53	-14,26	-7,87	-10,46	-9,00	401,4	2,6	0,6	11,8	37,2
	KDC	15.852	54.700	62.100	49.600	-6,17	-6,81	7,68	-3,53	-4,19	12,8	1,9	14,5	18,0	32,0
	VHC	12.233	54.500	80.000	54.500	-24,41	-22,70	-21,58	-24,83	-27,53	13,8	1,6	13,5	24,7	75,3
	SBT	11.631	11.000	14.800	10.100	-13,04	-7,17	-1,79	-10,93	-13,04	15,7	1,1	6,4	21,6	78,5
	HAG	12.218	15.000	15.100	9.727	9,89	31,47	29,41	36,93	35,25	10,9	1,5	13,5	2,4	46,6
	DBC	8.484	25.350	32.304	22.368	-16,89	-8,65	-12,13	-13,59	-9,05	9,8	1,1	12,1	3,5	45,6
	PAN	4.909	23.500	29.200	20.450	-16,37	0,64	1,73	-2,08	-4,47	15,6	2,7	16,7	19,5	29,5
	FMC	2.668	40.800	53.600	40.800	-16,14	-12,45	-11,97	-18,07	-18,24	23,0	0,9	4,0	31,1	18,9

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 04/04/2025. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi ít nhất bốn quỹ ETF khác nhau; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)					Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Tiện ích	GAS	137.515	58.700	83.725	58.200	-15,05	-13,68	-19,92	-23,43	-26,53	18,7	1,9	10,5	1,7	47,3
	POW	26.697	11.400	15.300	10.450	-6,17	-3,39	-11,97	-22,71	0,88	10,2	1,2	10,7	3,6	45,4
	BWE	8.896	40.450	48.400	35.789	-10,51	-13,38	-10,11	-11,29	5,04	82,7	1,4	1,7	11,4	37,6
	QTP	5.850	13.000	17.700	12.100	-7,14	-5,11	-6,47	-20,25	-17,20	20,4	2,2	11,1	0,9	48,2
	NT2	5.283	18.350	23.600	17.350	-10,92	-11,99	-6,62	-16,59	-22,25	14,4	1,3	9,0	13,0	36,0
Dầu khí	PLX	45.360	35.700	51.700	34.550	-19,78	-7,15	-20,84	-18,68	-3,90	24,8	0,9	4,5	17,4	2,6
	PVS	12.571	26.300	47.300	25.200	-24,86	-22,65	-36,63	-38,12	-38,69	8,7	1,2	15,1	17,4	31,7
	PVD	10.673	19.200	34.300	19.200	-21,15	-18,30	-30,69	-35,79	-42,77	15,3	2,8	20,1	8,5	40,5
	PVT	7.654	21.500	32.000	21.450	-18,25	-22,52	-22,52	-28,93	-17,60	13,3	2,4	18,5	11,8	37,2
May mặc và trang sức	PNJ	24.498	72.500	109.600	71.500	-23,04	-24,95	-24,00	-23,60	-25,64	16,1	1,8	12,2	48,4	0,6
	MSH	3.811	50.800	61.500	40.700	-13,31	-2,31	11,40	2,42	8,20	9,1	1,5	17,4	4,9	44,2
	TNG	2.207	18.000	28.300	17.685	-22,41	-29,13	-27,13	-29,05	-13,60	78,1	13,0	18,1	16,9	32,2
Bán lẻ	MWG	77.166	52.800	70.200	48.050	-11,26	-9,90	-20,48	-18,89	4,14	19,6	2,9	15,9	45,8	3,2
	FRT	19.074	140.000	209.400	131.000	-22,01	-25,33	-20,90	-21,88	-6,04	26,2	6,9	28,6	32,7	16,3
	DGW	7.276	33.200	52.385	33.200	-16,48	-17,41	-27,83	-31,82	-34,41	27,8	3,0	11,9	18,8	30,2
Phần mềm và dịch vụ	FPT	166.231	113.000	154.500	94.783	-19,29	-24,16	-15,73	-16,79	13,99	23,7	5,8	26,2	42,4	6,6
	CMG	7.036	33.300	67.207	33.300	-24,58	-32,52	-26,37	-42,60	-19,56	26,7	1,7	6,4	36,0	14,0
Dịch vụ viễn thông	FOX	43.095	87.500	115.000	54.600	-14,22	-9,42	0,34	-11,97	52,17	31,9	4,6	18,0	0,0	0,0
	TTN	591	16.100	26.000	9.900	-22,22	-30,00	15,00	-21,84	57,84	36,8	3,1	8,9	1,0	48,0
Vận tải	ACV	188.306	86.500	138.000	74.500	-19,83	-29,96	-15,20	-28,57	3,22	16,4	2,0	13,0	3,4	45,6
	VJC	46.741	86.300	119.400	82.400	-10,85	-13,27	-18,04	-14,72	-15,56	10,3	1,9	20,7	12,8	17,2
	GMD	20.484	48.750	73.671	48.750	-20,21	-25,91	-25,47	-30,20	-28,27	13,4	0,6	4,8	41,3	7,7
	VTP	14.163	116.300	171.000	65.000	-25,92	-19,35	52,83	33,68	36,66	10,7	0,8	7,7	6,7	42,3
	HAH	6.755	52.000	54.900	32.609	-0,19	6,89	29,84	15,94	40,38	13,5	2,4	18,7	11,2	18,8
	VIP	887	12.950	17.150	10.800	-15,91	-8,16	-1,89	-2,26	14,10	13,5	2,4	18,7	13,1	35,9
Dịch vụ thương mại	TLG	4.279	49.500	71.800	42.545	-22,29	-21,43	4,31	-2,24	9,56	13,5	2,4	18,7	22,0	78,1

Phụ lục

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi CTCP Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

Không part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.